

Số 443/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 19 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa  
của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang (Có danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3. Quyết định số 2498/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về Công bố thủ tục hành chính quy định một số chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các dự án xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2017 – 2025 (Lĩnh vực: Y tế).

4. Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

5. Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

6. Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của Chủ tịch UBND

tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

7. Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

8. Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 07/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, PVHCC



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Sơn**

**PHẦN I. DANH MỤC**

**Thủ tục hành chính được chuẩn hóa của Ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA TẬP TRUNG**

| TT                                    | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                     | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện                     | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|---------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)                                   | (2)         | (3)                                                                                                                                                        | (4)                                                | (5)                                                | (6)                                     | (7)                                                                                                          | (8)            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b> |             |                                                                                                                                                            |                                                    |                                                    |                                         |                                                                                                              |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>I. Lĩnh vực: An toàn thực phẩm</b> |             |                                                                                                                                                            |                                                    |                                                    |                                         |                                                                                                              |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 1                                     | 1.003348    | Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu với thực phẩm dinh dưỡng Y học thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc qua DVC tuyến (mức độ 3) | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 1.500.000 đồng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 15/2018/NĐ - CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật An toàn thực phẩm;</li> <li>- Thông tư 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm</li> <li>- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                 | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện                | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                    | (4)                                                | (5)                                                | (6)                                | (7)                                                                                                          | (8)            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|     |             |                                                                                                                                                                        |                                                    |                                                    |                                    |                                                                                                              |                | định số 2318/BYT-QĐ ngày 06/4/2018 của Bộ Y tế công bố 10 thủ tục hành chính mới ban hành tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 2   | 1.003332    | Đăng ký bản công bố sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi. | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc qua DVC tuyến độ 3) | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 1.500.000 đồng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 15/2018/NĐ - CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật An toàn thực phẩm;</li> <li>- Thông tư 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm</li> <li>- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2318/BYT-QĐ ngày 06/4/2018 của Bộ Y tế công bố 10 thủ tục hành chính mới ban hành tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                  | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện                | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                        | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                     | (4)                                                | (5)                                                | (6)                                | (7)                                                                                                          | (8)                                | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 3   | 1.003108    | Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc qua DVC tuyến độ 3) | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 1.200.000 đồng                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 15/2018/NĐ - CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật An toàn thực phẩm;</li> <li>- Thông tư 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm</li> <li>- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2318/BYT-QĐ ngày 06/4/2018 của Bộ Y tế công bố 10 thủ tục hành chính mới ban hành tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.</li> </ul> |
| 4   | 1.002425    | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với                                                                                        | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ               | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ         | Trực tiếp hoặc qua DVC tuyến (mức  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519                                                      | * Phí:<br>- Đối với cơ sở sản xuất | - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                   | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                   | (4)                                             | (5)                                   | (6)                 | (7)                                                  | (8)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |             | cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) | hồ sơ hợp lệ.                                   | hợp lệ.                               | độ 3)               | đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | <p>nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng /lần/cơ sở</p> <p>- Đối với cơ sở sản xuất khác được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở</p> <p>- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000</p> | <p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ Sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.</p> <p>- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;</p> <p>- Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài Chính Sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư số 279/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;</p> <p>- Quyết định số 899/QĐ-SYT ngày 17/10/2019 của Sở Y tế Hà Giang V/v Quy định phân công, phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý Ngành Y tế.</p> |

| TT                                    | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                        | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật  | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)                                   | (2)         | (3)                                                                                           | (4)                                              | (5)                                                | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                                                                                                                                          | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                                       |             |                                                                                               |                                                  |                                                    |                     |                                                                                                              | <p>đồng /lần/cơ sở</p> <p>- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng /lần/cơ sở</p> <p>* Lệ phí: Không có</p> | Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 135/QĐ-BYT ngày 15/01/2019 của Bộ Y tế Về việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực ATTP và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế                                                                                                                                                               |
| <b>II    Lĩnh vực: Tổ chức cán bộ</b> |             |                                                                                               |                                                  |                                                    |                     |                                                                                                              |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 5                                     | 1.001523    | Bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012</li> <li>- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp;</li> <li>- Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                          | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật  | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                             | (4)                                              | (5)                                                | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|     |             |                                                                                                 |                                                  |                                                    |                     |                                                                                                              |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 02/2014/TT-BYT ngày 15/01/2013 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4684/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực tổ chức, cán bộ.</li> </ul>                                                        |
| 6   | 1.001514    | Miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp;</li> <li>- Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 02/2014/TT-BYT ngày 15/01/2013 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục bổ</li> </ul> |

| TT                                  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                  | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật  | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)                                 | (2)         | (3)                                                                                                                                     | (4)                                              | (5)                                                | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                                     |             |                                                                                                                                         |                                                  |                                                    |                     |                                                                                                              |             | nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4684/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực tổ chức, cán bộ.                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>III Lĩnh vực: Tài chính Y tế</b> |             |                                                                                                                                         |                                                  |                                                    |                     |                                                                                                              |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 7                                   |             | Thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua thuốc đối với các cơ sở khám, chữa bệnh (đơn vị) công lập địa phương trực thuộc UBND tỉnh. | 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;<br>- Thông tư liên tịch số 01/TTLT-BYT-BTC của liên Bộ Bộ Y tế-Bộ Tài chính hướng dẫn đấu thầu mua thuốc trong các cơ sở y tế. Hiệu lực thi hành ngày 1/6/2012;<br>- Thông tư liên tịch số 36/2013/TTLT-BYT-BTC của liên Bộ Bộ Y tế-Bộ Tài chính : Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính |

| TT                                      | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                             | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật       | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                 | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)                                     | (2)         | (3)                                                                                | (4)                                                   | (5)                                                   | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                                         |             |                                                                                    |                                                       |                                                       |                     |                                                                                                              |             | <p>hướng dẫn đầu thầu mua thuốc trong các cơ sở y tế;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4683/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Trưởng Bộ Y tế về công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế thuộc lĩnh vực tài chính y tế.</p>                              |
| <b>IV Lĩnh vực: Trang thiết bị Y tế</b> |             |                                                                                    |                                                       |                                                       |                     |                                                                                                              |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 8                                       | 2.000985    | Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế | Sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <p>- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 745/QĐ-BYT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p> |
| 9                                       | 2.000982    | Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế  | Sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố                         | Không       | <p>- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;</p>                                                                                                                                                                                                                   |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                              | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                   | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                 | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                                                                                                                                                           | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|     |             | loại B, C, D                                                        |                                                   |                                                   |                     | Hà Giang, tỉnh Hà Giang                                                                                      |                                                                                                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 745/QĐ-BYT ngày 28 / 02 /2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                     |
| 10  | 1.003006    | Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế                   | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định Điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế: 3.000.000 đồng/1 hồ sơ</li> <li>- Lệ phí: không có</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014</li> <li>- Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 745/QĐ-BYT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế</li> </ul> |
| 11  | 1.003029    | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Phí thẩm định công bố trang thiết bị y tế loại A: 1.000.000                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| TT  | Mã TTHC gốc                | Tên thủ tục hành chính                                             | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                                                        | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|----------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                        | (3)                                                                | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                                                                                                | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|     |                            |                                                                    |                                                   |                                                   |                     | Hà Giang                                                                                                     | đồng/1 hồ sơ<br>-Lệ phí: không có                                                                                  | - Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 745/QĐ-BYT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.                                                                                                                    |
| 12  | 1.003039                   | Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B,C, D | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Phí thẩm định Điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế: 3.000.000 đồng/1 hồ sơ<br>-Lệ phí: không có | - Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;<br>- Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 745/QĐ-BYT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế |
| V   | Lĩnh vực: Giám định Y khoa |                                                                    |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                              |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| TT  | Mã TTHC gốc                   | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                    | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí         | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                           | (3)                                                                                                                                                                                                                       | (4)                                                | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                 | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 13  | 1.000906                      | Công nhận cơ sở đủ điều kiện thực hiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của y tế ngành, bệnh viện tư nhân thuộc địa bàn quản lý | 75 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 75 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 10.500.000 đồng/lần | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính.</li> <li>- Thông tư số 29/2010/TT-BYT ngày 24/5/2010 của Bộ Y tế Hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính. Có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</li> </ul> <p>Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực Giám định y khoa</p> |
| VI  | Lĩnh vực: Y tế dự phòng (6 K) |                                                                                                                                                                                                                           |                                                    |                                                   |                     |                                                                                                              |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 14  | 1.003958                      | Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường                                                                                                                                                             | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ        | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519                                                      | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015</li> <li>- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ..</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| TT   | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|------|-------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)  | (2)         | (3)                                   | (4)                                                | (5)                                                | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|      |             | lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |                                                    | hợp lệ                                             |                     | đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang                                                         |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 6145/QĐ-BYT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 3 15 | 1.004568    | Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng  | 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006;</li> <li>- Nghị định số 108/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);</li> <li>- Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20 tháng 01 năm 2010 của liên bộ: Bộ Y tế - Bộ Công an quy định việc cấp, phát, quản lý và sử dụng Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV;</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4695/QĐ-BYT về Y tế ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế Về</li> </ul> |

| TT      | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                   | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---------|-------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)     | (2)         | (3)                                      | (4)                                                | (5)                                                | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|         |             |                                          |                                                    |                                                    |                     |                                                                                                              |             | việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực y tế dự phòng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 7<br>16 | 1.004541    | Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006;</li> <li>- Nghị định số 108/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);</li> <li>- Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20 tháng 01 năm 2010 của liên bộ: Bộ Y tế - Bộ Công an quy định việc cấp, phát, quản lý và sử dụng Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV;</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4695/QĐ-BYT về Y tế ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý</li> </ul> |

| TT       | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                     | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật           | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)      | (2)         | (3)                                                                                                                                                                        | (4)                                                       | (5)                                                | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|          |             |                                                                                                                                                                            |                                                           |                                                    |                     |                                                                                                              |             | của Bộ Y tế trong lĩnh vực y tế dự phòng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 5<br>17  | 1.002423    | Cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là hoa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH 12 ngày 13/11/2008;</li> <li>- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</li> <li>- Thông tư số 08/2012/TT-BYT ngày 17/5/2012 của Bộ Y tế hướng dẫn việc vận chuyển hàng nguy hiểm trong lĩnh vực y tế bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4695/QĐ-BYT về Y tế ngày 4/11/2015 của Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực y tế dự phòng.</li> </ul> |
| 14<br>18 | 1.002265    | Duyệt dự trù và phân phối thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản                                                                                                            | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.                  | 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ         | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn                                         | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Dược số 34/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005.</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                  | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                     | (4)                                                | (5)                                                | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|     |             | lý của Sở Y tế.                                                         |                                                    | hợp lệ.                                            |                     | Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang                                                                      |             | dạng thuốc phiên bằng thuốc thay thế;<br>- Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quản lý thuốc methadone;<br>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4308/QĐ-BYT ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế                                                                                                                 |
| 19  | 1.004607    | Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | - Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).<br>- Quyết định số 120/2008/QĐ - TTg về việc quy định điều kiện xác định người bị phơi nhiễm với HIV, người bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.<br>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4695/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                              | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện                                       | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                 | (4)                                               | (5)                                                | (6)                                                       | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|     |             |                                                                     |                                                   |                                                    |                                                           |                                                                                                              |             | của Bộ Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 20  | 1.004564    | Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp      | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp                                                 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</li> <li>- Quyết định số 120/2008/QĐ - TTg về việc quy định điều kiện xác định người bị phơi nhiễm với HIV, người bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4695/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế</li> </ul> |
| 21  | 1.000844    | Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS | 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ | 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ   | Trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</li> <li>- Thông tư số 06/2012/TT-BYT. Quy định về điều kiện thành lập và nội dung hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại</li> </ul>                                                                                                                                                                                          |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                       | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện                                       | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                          | (4)                                               | (5)                                                | (6)                                                       | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |             |                                                                                                              |                                                   |                                                    |                                                           |                                                                                                              |             | của TTHC được quy định tại Quyết định số 4695/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 22  | 1.002944    | Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật hóa chất số 06/2017/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;</li> <li>- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;</li> <li>- Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;</li> <li>- Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/ 2006;</li> <li>- Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4508/QĐ-BYT ngày 22/8/2016 của Bộ Y tế về việc công</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                         | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                                       | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                            | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                                       | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|     |             |                                                                                                                |                                                   |                                                   |                                                           |                                                                                                              |             | bổ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Nghị định 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 23  | 1.002467    | Công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"><li>- Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;</li><li>- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;</li><li>- Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;</li><li>- Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</li><li>- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;</li><li>- Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/ 2006;</li><li>- Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế</li><li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4508/QĐ-BYT ngày 22/8/2016 của Bộ Y tế về việc công</li></ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                     | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật     | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh               | Cách thức thực hiện                                       | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                        | (4)                                                 | (5)                                                 | (6)                                                       | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|     |             |                                                            |                                                     |                                                     |                                                           |                                                                                                              |             | bổ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Nghị định 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 24  | 1.004488    | Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7678/QĐ-BYT, ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế</li> </ul> |
| 25  | 1.004477    | Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị            | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận                    | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận                    | Trực tiếp hoặc qua bưu chính                              | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà                                                                    | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| TT       | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                 | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật     | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh               | Cách thức thực hiện                                       | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)      | (2)         | (3)                                                                                                                                                    | (4)                                                 | (5)                                                 | (6)                                                       | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|          |             | nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự                                             | được hồ sơ hợp lệ.                                  | được hồ sơ hợp lệ.                                  | hoặc DVC trực tuyến mức độ 3                              | Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang                                           |             | số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006.<br>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế<br>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7678/QĐ-BYT, ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế |
| 19<br>26 | 1.004471    | Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | - Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006.<br>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế<br>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7678/QĐ-BYT, ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế về việc                                                                                               |

| TT       | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                  | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật     | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh               | Cách thức thực hiện                                       | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----------|-------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)      | (2)         | (3)                                                                     | (4)                                                 | (5)                                                 | (6)                                                       | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|          |             |                                                                         |                                                     |                                                     |                                                           |                                                                                                              |             | công bố thủ tục hành chính hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 20<br>27 | 1.004461    | Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7678/QĐ-BYT, ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế</li> </ul> |
| 28       | 1.003580    | Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I,         | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản tự       | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản tự       | Trực tiếp hoặc qua DVC trực tuyến mức                     | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519                                                      | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc Hội ban hành về Luật phòng, chống bệnh</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                       | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                          | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                    | Cách thức thực hiện                        | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                          | (4)                                                                      | (5)                                                                      | (6)                                        | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|     |             | cấp II                                                       | công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học                                  | công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học                                  | độ 4                                       | đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang                                                         |             | truyền nhiễm;<br>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 433/QĐ-BYT ngày 31/01/2019 của Bộ Y tế.                                                                                                  |
| 29  | 2.000655    | Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng                        | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo đủ điều kiện tiêm chủng | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo đủ điều kiện tiêm chủng | Trực tiếp hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | - Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc Hội ban hành về Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm;<br>- Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.<br>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 433/QĐ-BYT ngày 31/01/2019 của Bộ Y tế. |
| 30  | 1.001386    | Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ                              | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ                              | Trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc DVC      | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519                                                      | Không       | - Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| TT                           | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)                          | (2)         | (3)                                                                                                                   | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                              |             | tiêm chủng                                                                                                            | hợp lệ.                                           | hợp lệ.                                           | trực tuyến mức độ 3 | đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang                                                         |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1273/QĐ-BYT ngày 04/4/2017 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và Nghị định số 104/ 2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng</li> </ul> |
| <b>VI Lĩnh vực: HIV/AIDS</b> |             |                                                                                                                       |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                              |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 31                           | 1.006422    | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</li> <li>- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014</li> <li>- Nghị định số 75/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện thực hiện xét nghiệm HIV</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                               |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                     | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện               | Địa điểm thực hiện                                                   | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                        | (4)                                               | (5)                                               | (6)                               | (7)                                                                  | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |             |                                                            |                                                   |                                                   |                                   |                                                                      |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế</li> <li>- Thông tư số 04/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ Y tế quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính và đình chỉ hoạt động xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính.</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 4631/QĐ-BYT ngày 23/9/2019 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế tại Thông tư số 04/2019/TTBYT ngày 28/3/2019.</li> </ul> |
| 32  | 1.004488    | Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc qua DVC tuyển độ 4 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn | Không       | Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội<br>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ<br>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện             | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                   | (4)                                               | (5)                                               | (6)                             | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|     |             |                                                                                                                       |                                                   |                                                   |                                 | Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.                                                                     |             | ngày 12/11/2018 của Chính phủ;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 5014/QĐ-BYT ngày 24/10/2019 của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 33  | 1.006425    | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm kháng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc qua BV chính ích | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | - Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).<br>- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014<br>- Nghị định số 75/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện thực hiện xét nghiệm HIV<br>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế<br>- Thông tư số 04/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ Y tế quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm kháng định các trường |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                              | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                 | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|     |             |                                                                                                                                     |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                              |             | <p>hợp HIV dương tính và đình chỉ hoạt động xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính.</p> <p>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 4631/QĐ-BYT ngày 23/9/2019 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế tại Thông tư số 04/2019/TTBYT ngày 28/3/2019.</p>                                                                                                   |
| 34  | 1.006431    | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <p>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</p> <p>- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014</p> <p>- Nghị định số 75/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện thực hiện xét nghiệm HIV</p> <p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà</p> |

| TT        | Mã TTHC gốc                           | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                               | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                                           | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)       | (2)                                   | (3)                                                                                                                                                  | (4)                                                | (5)                                               | (6)                                                           | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|           |                                       |                                                                                                                                                      |                                                    |                                                   |                                                               |                                                                                                              |             | <p>nước của Bộ Y tế</p> <p>- Thông tư số 04/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ Y tế quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính và đình chỉ hoạt động xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính.</p> <p>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 4361/QĐ-BYT ngày 23/9/2019 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế tại Thông tư số 04/2019/TTBYT ngày 28/3/2019.</p> |
| <b>VI</b> | <b>Lĩnh vực: Khám bệnh, chữa bệnh</b> |                                                                                                                                                      |                                                    |                                                   |                                                               |                                                                                                              |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 35        | 1.001750                              | Cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại Khoản 3 Điều 2 | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc qua DVBưu chính công ích hoặc qua DVC mức độ 4 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <p>- Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;</p> <p>- Thông tư số 07/2015/TT-BYT ngày 03/4/2015 của Bộ Y tế quy định chi tiết điều kiện, thủ tục cho phép áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                    | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh          | Cách thức thực hiện                                             | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                       | (4)                                             | (5)                                            | (6)                                                             | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|     |             | Thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế                                                           |                                                 |                                                |                                                                 |                                                                                                              |             | - Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3516/QĐ-BYT ngày 24/8/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                            |
| 36  | 1.001734    | Cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ   | 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 4                          | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | - Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;<br>- Thông tư số 07/2015/TT-BYT ngày 03/4/2015 của Bộ Y tế quy định chi tiết điều kiện, thủ tục cho phép áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh;<br>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3516/QĐ-BYT ngày 24/8/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế. |
| 37  |             | Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                           | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ       | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc qua DVBưu chính công ích hoặc DVC trực tuyến mức | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh          | Không       | - Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009<br>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế Hướng dẫn khám sức khỏe.<br>- Những bộ phận cấu thành còn lại                                                                                                                                                                                                                                                            |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                             | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                  | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                | (4)                                                | (5)                                                | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                          | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|     |             |                                                                                                    |                                                    |                                                    | độ 3                | Hà Giang                                                                                                     |                                              | của TTHC được quy định tại Quyết định số 3489/QĐ-BYT ngày 09/9/2014 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 38  | 1.008069    | Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BTC | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                             | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh         | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                | (4)                                             | (5)                                           | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|     |             |                                                                                    |                                                 |                                               |                                        |                                                                                                              |             | <p>tế.</p> <p>- Thông tư số 11/2020/TT-BTC ngày 20/ 02/2020 của Bộ Tài chính về Sửa đổi Phần I; Mục 1, Mục 4 Phần IV Biểu mức thu phí trong lĩnh vực y tế ban hành kèm theo Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 39  | 1.001641    | Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ       | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <p>- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008.</p> <p>- Nghị định số 63/2012 ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông Vận tải.</p> <p>- Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009</p> <p>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế Hướng dẫn khám sức khỏe.</p> <p>- Thông tư liên tịch số</p> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                      | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh               | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                         | (4)                                             | (5)                                                 | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|     |             |                                                                                                             |                                                 |                                                     |                                        |                                                                                                              |             | <p>24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của liên Bộ: Bộ Y tế và Bộ Giao thông Vận tải về Quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe.</p> <p>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4759/QĐ-BYT ngày 09/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế</p> |
| 40  | 1.001086    | Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ       | 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <p>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;</p> <p>- Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3478/QĐ-BYT ngày 08/9/2014 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng</p>                                               |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                      | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                         | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh               | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                         | (4)                                                                                                     | (5)                                                 | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |             |                                                                                                             |                                                                                                         |                                                     |                                        |                                                                                                              |                | quản lý của Bộ Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 41  | 1.001077    | Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ                                                               | 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 4.300.000 đồng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009</li> <li>- Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3478/QĐ-BYT ngày 08/9/2014 của Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế</li> </ul> |
| 42  | 1.002464    | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh                                           | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo dấu tiếp nhận công văn đến của cơ quan tiếp nhận | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật quảng cáo ngày 21 tháng 06 năm 2012;</li> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;</li> <li>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                     | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                                | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                        | (4)                                                                                                            | (5)                                                | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|     |             |                                                                                                            | hồ sơ.                                                                                                         |                                                    |                                        |                                                                                                              |             | <p>hành một số điều của Luật quảng cáo;</p> <p>- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3904/QĐ-BYT ngày 18/9/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p> |
| 43  | 1.000562    | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo dấu tiếp nhận công văn đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. | 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <p>- Luật quảng cáo ngày 21 tháng 06 năm 2012;</p> <p>- Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;</p> <p>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo;</p> <p>- Thông tư số 09/2015/TT-</p>                                                                                                                                                                                     |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                           | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                                | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                              | (4)                                                                                                            | (5)                                                | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|     |             |                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                |                                                    |                                        |                                                                                                              |             | BYT ngày 25/5/2015 về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3904/QĐ-BYT ngày 18/9/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế. |
| 44  | 1.000511    | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo dấu tiếp nhận công văn đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. | 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | - Luật quảng cáo ngày 21 tháng 06 năm 2012;<br>- Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;<br>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo;<br>- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt                          |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                    | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí        | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                       | (4)                                                | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)                | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |             |                                                                                                           |                                                    |                                                   |                                        |                                                                                                              |                    | thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế:<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3904/QĐ-BYT ngày 18/9/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                             |
| 45  | 1.001552    | Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | 21 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 2.500.000 đồng/lần | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009.<br>- Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 quy định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận là lương Y.<br>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4677/2015/QĐ-BYT ngày 04 tháng 11 năm 2015 công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế. |
| 46  | 1.001538    | Cấp giấy chứng nhận là lương y                                                                            | 20 ngày kể từ ngày nhận                            | 12 ngày làm việc, kể từ                           | Trực tiếp hoặc DVC                     | Trung tâm Phục vụ hành chính                                                                                 | 2.500.000 đồng/lần | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                    | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí        | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                       | (4)                                                | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)                | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|     |             | cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT                                | được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.                         | ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                         | trực tuyến mức độ 3                    | công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang                              |                    | <p>năm 2009.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 quy định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận là lương Y.</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4677/2015/QĐ-BYT ngày 04 tháng 11 năm 2015 công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 47  | 1.001532    | Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 2.500.000 đồng/lần | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009.</li> <li>- Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 quy định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận là lương Y.</li> <li>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh</li> </ul>                                                                                                                                                   |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                    | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí        | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                       | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)                | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|     |             |                                                                                                           |                                                   |                                                   |                                        |                                                                                                              |                    | <p>vực y tế.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4677/2015/QĐ-BYT ngày 04 tháng 11 năm 2015 công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 48  | 1.001398    | Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ | 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 2.500.000 đồng/lần | <p>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009.</p> <p>- Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 quy định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận là lương Y.</p> <p>- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4677/2015/QĐ-BYT ngày 04 tháng 11 năm 2015 công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p> |
| 49  | 1.001393    | Cấp lại giấy chứng nhận là                                                                                | 07 ngày kể từ ngày nhận                           | 05 ngày làm việc, kể từ                           | Trực tiếp hoặc DVC                     | Trung tâm Phục vụ hành chính                                                                                 | Không              | <p>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                          | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                             | (4)                                               | (5)                                                | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     |             | lượng y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                            | được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.                        | ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                          | trực tuyến mức độ 3                    | công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang                              |             | năm 2009.<br>- Thông tư số 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 quy định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận là lương Y.<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4677/2015/QĐ-BYT ngày 04 tháng 11 năm 2015 công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                            |
| 50  | 1.001824    | Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.<br><br>- Luật Hoạt động chữa thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03/6/2008<br>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ.<br>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                   | (4)                                                | (5)                                                | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |             |                                                                                                                                       |                                                    |                                                    |                                        |                                                                                                              |             | phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 51  | 1.001846    | Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 4 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Luật Hoạt động chữa thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03/6/2008</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ.</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.</li> </ul> |
| 52  | 1.001866    | Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám                                                                            | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ         | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 4 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519                                                      | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Luật Hoạt động chữa thập đỏ số</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                         | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                            | (4)                                                | (5)                                                | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|     |             | bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế                                                                     |                                                    | hợp lệ.                                            |                                        | đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang                                                         |             | 11/2008/QH12 ngày 03/6/2008<br>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ.<br>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh. |
| 53  | 1.001884    | Cho phép đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 4 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.<br>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03/6/2008<br>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ.<br>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân                                                                                                                                                |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                                                                                                    | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|     |             |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                   |                                                   |                                        |                                                                                                              |             | <p>đạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 54  |             | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập | 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;</li> <li>- Luật Hoạt động chữa thập đồ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữa thập đồ;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                         | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                            | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|     |             |                                                                                                                |                                                   |                                                   |                                        |                                                                                                              |             | 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 55  | 1.002230    | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. | 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;</li> <li>- Luật Hoạt động chữa thập đo số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữa thập đo;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                             | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|     |             |                                                                                                                    |                                                   |                                                   |                                        |                                                                                                              |             | của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 56  | 1.002215    | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. | 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;</li> <li>- Luật Hoạt động chữa thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                    | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                       | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |             |                                                                                                                           |                                                   |                                                   |                                        |                                                                                                              |             | đạo;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 57  | 1.002205    | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;<br>- Luật Hoạt động chữa thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;<br>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;<br>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;<br>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                  | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                     | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |             |                                                                                                         |                                                   |                                                   |                                        |                                                                                                              |             | <p>ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.</p>                                                                                                                                         |
| 58  | 1.002191    | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. | 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <p>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;</p> <p>- Luật Hoạt động chữa thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;</p> <p>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ</p> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                   | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                      | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|     |             |                                                                                                                          |                                                   |                                                   |                                        |                                                                                                              |             | <p>sở khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.</p>         |
| 59  | 1.002182    | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <p>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;</p> <p>- Luật Hoạt động chữa thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;</p> <p>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành</p> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                      | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                         | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |             |                                                                                                             |                                                   |                                                   |                                        |                                                                                                              |             | <p>nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.</p> |
| 60  | 1.002162    | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <p>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;</p> <p>- Luật Hoạt động chữa thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;</p> <p>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT</p>                                                                                                                     |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                  | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                     | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|     |             |                                                                                                                                         |                                                   |                                                   |                                        |                                                                                                              |             | <p>ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.</p> |
| 61  |             | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp | 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <p>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;</p> <p>- Luật Hoạt động chữa thập đồ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 03/2011/ND-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi</p>                                                                                                                                                                                                                                                   |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                   | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                      | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     |             |                                                                                          |                                                   |                                                   |                                        |                                                                                                              |             | <p>hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.</li> </ul> |
| 62  | 1.002131    | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả | 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;</li> <li>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                      | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                   | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                         | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                  | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|     |             |                                                                             |                                                   |                                                   |                                        |                                                                      |             | <p>ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;</p> <p>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.</p> |
| 63  | 1.002111    | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ | 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn | Không       | <p>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;</p> <p>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính       | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                      | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|-------------|------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                          | (4)                                             | (5)                                   | (6)                 | (7)                                     | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|     |             | chăm sóc sức khoẻ tại nhà    |                                                 |                                       |                     | Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang |             | <p>11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;</p> <p>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.</p> |
| 64  | 1.002097    | Cấp giấy phép hoạt động khám | 90 ngày làm việc, kể từ                         | 50 ngày làm việc, kể từ               | Trực tiếp hoặc DVC  | Trung tâm Phục vụ hành chính            | Không       | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                    | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                              | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                       | (4)                                             | (5)                                   | (6)                 | (7)                                                                             | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|     |             | bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc | ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                       | ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ             | trực tuyến mức độ 3 | công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang |             | <p>năm 2009;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hoạt động chữa thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                            | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                               | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 65  | 1.002073    | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh | 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;</li> <li>- Luật Hoạt động chữa thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                  | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                     | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|     |             |                                                                                         |                                                   |                                                   |                                        |                                                                                                              |             | Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 66  |             | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã | 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;</li> <li>- Luật Hoạt động chữa thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                      | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                         | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |             |                                                                                                                                             |                                                   |                                                   |                                        |                                                                                                              |             | 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 67  | 1.005029    | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm | 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;</li> <li>- Luật Hoạt động chữa thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                      | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                         | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|     |             |                                                                                                                                                             |                                                   |                                                   |                                        |                                                                                                              |             | - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 68  | 1.001780    | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh | 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 4 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;</li> <li>- Luật Hoạt động chữa thập đồ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữa thập đồ;</li> <li>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                  | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                                     | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |             |                                                                                                                                                                                                         |                                                   |                                                   |                                        |                                                                                                              |             | <p>ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.</p>                                                                                                                                         |
| 69  | 1.002000    | Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 4 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <p>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;</p> <p>- Luật Hoạt động chữa thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;</p> <p>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ</p> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                   | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                                      | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     |             |                                                                                                                                                                                                          |                                                   |                                                   |                                        |                                                                                                              |             | <p>sở khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.</p> |
| 70  | 1.001987    | Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn | 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <p>Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;</p> <p>- Luật Hoạt động chữa thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ;</p> <p>- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế</p>                        |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                   | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                                                                            | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                                                                            | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                      | (4)                                                                                                                                                        | (5)                                                                                                                              | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)          | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     |             |                                                                                                          |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                  |                                        |                                                                                                              |              | <p>Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế Quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.</p> |
| 71  | 1.003709    | Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ,<br>- 180 ngày đối với trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Đối với trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chugn | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 360.000 đồng | <p>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</p> <p>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối</p>                                                                                                                                                          |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                    | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                     | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                               | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                       | (4)                                                                                                 | (5)                                                                                 | (6)                                    | (7)                                                                                                 | (8)          | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|     |             |                                                                                                           | cấp.                                                                                                | chỉ hành nghề do nước ngoài cấp: 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) |                                        |                                                                                                     |              | <p>với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế Quyết định về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính được bãi bỏ tại Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</p> |
| 72  | 1.003773    | Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền | <p>- 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ,</p> <p>- 180 ngày đối với trường hợp cần xác minh người</p> | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp cần xác       | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh | 360.000 đồng | <p>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</p> <p>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh,</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính        | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                          | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                                                                                 | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện           | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                           | (4)                                                                      | (5)                                                                                                                                   | (6)                 | (7)                          | (8)          | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|     |             | của Sở Y tế.                  | được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài cấp. | minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài cấp: 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) |                     | Hà Giang                     |              | <p>chữa bệnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế Quyết định về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính được bãi bỏ tại Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> </ul> |
| 73  | 1.003787    | Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ                                              | 20 ngày làm việc, kể từ                                                                                                               | Trực tiếp hoặc DVC  | Trung tâm Phục vụ hành chính | 150.000 đồng | - Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                  | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                              | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                     | (4)                                             | (5)                                   | (6)                 | (7)                                                                             | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|     |             | nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | hồ sơ,                                          | ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ             | trực tuyến mức độ 3 | công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế Quyết định về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính được bãi bỏ tại Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                             | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                                                                                                                                                                   | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                                | (4)                                             | (5)                                                                                                                                                                                                                     | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)          | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|     |             |                                                                                                                                                                                                    |                                                 |                                                                                                                                                                                                                         |                                        |                                                                                                              |              | hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 74  | 1.003800    | Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ,              | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Đối với các trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài cấp: 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 360.000 đồng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế Quyết định về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                  | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                                                                                 | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                                                                                                                                                                   | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                     | (4)                                                                                                                                                             | (5)                                                                                                                                                                                                                     | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)          | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|     |             |                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                         |                                        |                                                                                                              |              | hành chính được bãi bỏ tại Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 75  | 1.003824    | Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ<br>- 180 ngày đối với trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài cấp | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Đối với các trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài cấp: 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 360.000 đồng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                 | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                    | (4)                                             | (5)                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |             |                                                        |                                                 |                                                   |                                        |                                                                                                              |                | của TTHC được quy định tại Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế Quyết định về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính được bãi bỏ tại Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                                               |
| 76  | 1.003746    | Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế xã. | 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.              | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 3.100.000 đồng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                        | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                                       | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                                                                                            | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                                                                   | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                           | (4)                                                                                                                   | (5)                                                                                                                                              | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)                                                                                                                           | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|     |             |                                                                                                               |                                                                                                                       |                                                                                                                                                  |                                        |                                                                                                              |                                                                                                                               | <p>quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế Quyết định về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính được bãi bỏ tại Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</p> |
| 77  | 1.003644    | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | <p>- Đối với Bệnh viện: 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Đối với hình thức khám bệnh, chữa bệnh khác: 30 ngày làm</p> | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | <p>- Phí thẩm định Bệnh viện: 10.500.000 đồng.</p> <p>- Phí thẩm định Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, bệnh xá thuộc Công</p> | <p>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</p> <p>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy</p>                                                                                                                                         |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh  | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|-------------|------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                    | (4)                                             | (5)                                    | (6)                 | (7)                | (8)                                                                                                                                                                                                                                                                                            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|     |             |                        |                                                 | việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. |                     |                    | an:<br>5.700.000 đồng.<br>- Phí thăm định Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám, tư vấn và Điều trị dự phòng, Phòng khám, Điều trị bệnh nghề nghiệp, Phòng chẩn đoán hình ảnh, phòng X quang, Phòng xét nghiệm, Cơ sở dịch vụ y tế, Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác:<br>4.300.000 | phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.<br>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế Quyết định về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính được bãi bỏ tại Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                              | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                                       | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                                                                                                                                                                                | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                 | (4)                                                                                                                   | (5)                                                                                                                                                                                                                                  | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|     |             |                                                                                                                                     |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                      |                                        |                                                                                                              | đồng.          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 78  | 1.003628    | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với Bệnh viện: 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Đối với hình thức khám bệnh, chữa bệnh khác: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> </ul> | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 1.500.000 đồng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế Quyết định về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính được bãi bỏ tại Nghị</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                               | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                                       | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                                                                                                                                                                                | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                  | (4)                                                                                                                   | (5)                                                                                                                                                                                                                                  | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)                                                                                                                                                                                                                                                                          | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|     |             |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                      |                                        |                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                              | định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 79  | 1.003547    | Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với Bệnh viện: 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Đối với hình thức khám bệnh, chữa bệnh khác: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> </ul> | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định cấp GPHE khi thay đổi quy mô giường bệnh, cơ cấu tổ chức Bệnh viện: 10.500.000đ</li> <li>- Phí thẩm định cấp GPHE khi thay đổi quy mô giường bệnh, cơ cấu tổ chức Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, bệnh xá</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------|------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                    | (4)                                             | (5)                                   | (6)                 | (7)                | (8)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|     |             |                        |                                                 |                                       |                     |                    | <p>thuộc lực lượng Công an nhân dân, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình (hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình): 5.700.000đồng</p> <p>ng</p> <p>- Phí thẩm định cấp GPHE khi thay đổi quy mô giường bệnh, cơ cấu tổ chức Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám, tư vấn và Điều trị dự phòng,</p> | <p>định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế Quyết định về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính được bãi bỏ tại Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</p> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                         | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                                | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                                          | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                              | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                            | (4)                                                                                                            | (5)                                                                                            | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)                                                                                                                                                                                      | (9)                                                                                                                                                                                                                                           |
|     |             |                                                                                                                                                |                                                                                                                |                                                                                                |                                        |                                                                                                              | Phòng khám, Điều trị bệnh nghề nghiệp, Phòng chẩn đoán hình ảnh, phòng X quang, Phòng xét nghiệm, Cơ sở dịch vụ y tế, Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác:<br>4.300.000 đồng |                                                                                                                                                                                                                                               |
| 80  | 1.003531    | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc | 60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác, kể từ ngày nhận đủ | - Đối với Bệnh viện: 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.<br>- Đối với hình thức | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 1.500.000 đồng                                                                                                                                                                           | - Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.<br>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.<br>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                              | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                  | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                         | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                   | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                 | (4)                                                              | (5)                                                                           | (6)                                    | (7)                                                                  | (8)            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|     |             | thẩm quyền của Sở Y tế                                                              | hồ sơ.                                                           | khám bệnh, chữa bệnh khác: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. |                                        |                                                                      |                | <p>ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế Quyết định về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính được bãi bỏ tại Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</p> |
| 81  | 1.003516    | Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị mất, hoặc hư hỏng | 60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với các hình thức tổ chức | - Đối với Bệnh viện: 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận                        | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn | 1.500.000 đồng | <p>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</p> <p>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                    | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật      | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                                                                 | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                      | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                       | (4)                                                  | (5)                                                                                                                   | (6)                 | (7)                                     | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |             | hoặc bị thu hồi thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do cấp không đúng thẩm quyền | khám bệnh, chữa bệnh khác, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | đủ hồ sơ hợp lệ.<br>- Đối với hình thức khám bệnh, chữa bệnh khác: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. |                     | Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang |             | <p>định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2623/QĐ-BYT ngày 20/6/2017 của Bộ Y tế Quyết định về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính được bãi bỏ tại Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</p> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                      | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                          | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                         | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                         | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 82  | 2.000559    | Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện. | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.</li> <li>- Nghị định 03/2011/NĐ-CP ngày 07/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ.</li> <li>- Thông tư 17/2014/TT-BYT ngày 02/6/2014 của Bộ Y tế quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu chữ thập đỏ.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3106/QĐ-BYT ngày 19/8/2014 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 83  | 1.001138    | Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện  | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.</li> <li>- Nghị định 03/2011/NĐ-CP ngày 07/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ.</li> <li>- Thông tư 17/2014/TT-BYT ngày</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                      | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                         | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                         | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                        | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|     |             |                                                                                             |                                                   |                                                   |                     |                                                            |             | <p>02/6/2014 của Bộ Y tế quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu chữ thập đỏ.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3106/QĐ-BYT ngày 19/8/2014 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>                                                                                                                                                                              |
| 84  | 2.000552    | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện | Không       | <p>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.</p> <p>- Nghị định 03/2011/NĐ-CP ngày 07/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ.</p> <p>- Thông tư 17/2014/TT-BYT ngày 02/6/2014 của Bộ Y tế quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu chữ thập đỏ.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3106/QĐ-BYT ngày 19/8/2014 của Bộ Y tế về việc công</p> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                         | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                            | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|     |             |                                                                                                |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                              |             | bổ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 85  | 1.006780    | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng       | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.</li> <li>- Nghị định 03/2011/NĐ-CP ngày 07/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ.</li> <li>- Thông tư 17/2014/TT-BYT ngày 02/6/2014 của Bộ Y tế quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu chữ thập đỏ.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3106/QĐ-BYT ngày 19/8/2014 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 86  | 1.000854    | Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư 35/2013/TT-BYT ngày 30/10/2013 của Bộ Y tế quy định Quy định về thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động và đình chỉ hoạt động chuyên môn của người hành nghề, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                 | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                    | (4)                                               | (5)                                                | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     |             | động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                           |                                                   |                                                    |                     | Hà Giang                                                                                                     |             | - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                                                                                                  |
| 87  | 1.001595    | Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | - Thông tư 35/2013/TT-BYT ngày 30/10/2013 của Bộ Y tế quy định Quy định về thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động và đình chỉ hoạt động chuyên môn của người hành nghề, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh. |
| 88  | 1.001957    | Cho phép thành lập ngân hàng mô trực thuộc Sở Y tế, và thuộc bệnh viện trực thuộc                                                                      | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố                         | Không       | - Luật 75/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc Hội quy định Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                    | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                       | (4)                                             | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |             | Sở Y tế, ngân hàng mô tư nhân, ngân hàng mô thuộc bệnh viện tư nhân, trường đại học y, được tư thực trên địa bàn quản lý. |                                                 |                                                   |                     | Hà Giang, tỉnh Hà Giang                                                                                      |                | - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 03/2008/QĐ-BYT ngày 01/02/2008 của Bộ Trưởng Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 89  | 2.000984    | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                           | 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.              | 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 4.300.000 đồng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                 | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                    | (4)                                             | (5)                                   | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|     |             |                                                                                                                        |                                                 |                                       |                     |                                                                                                              |                | <p>doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Y tế.</p> <p>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019</p>                                                                                                                                |
| 90  | 2.000980    | Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ               | 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ     | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 2.500.000 đồng | <p>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</p> <p>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP</p> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                     | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                        | (4)                                             | (5)                                   | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|     |             |                                                                                                                            |                                                 |                                       |                     |                                                                                                              |                | <p>ngày 13/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</p> <p>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019.</p> |
| 91  | 2.000968    | Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ               | 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ     | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 2.500.000 đồng | <p>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</p> <p>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám</p>                            |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                          | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                                                                               | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                                                                                      | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                             | (4)                                                                                                                                                           | (5)                                                                                                                                        | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)          | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|     |             |                                                                                                 |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                            |                     |                                                                                                              |              | <p>bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</p> <p>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019.</p> |
| 92  | 1.003748    | Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | <p>- 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài</p> | <p>- 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành</p> | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 360.000 đồng | <p>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</p> <p>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối</p>                                                                                                                                                    |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                           | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật         | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                      | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí     | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                              | (4)                                                     | (5)                                                                        | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)             | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|     |             |                                                                                                                                  | cấp: 180 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | nghe do nước ngoài cấp: 180 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. |                     |                                                                                                              |                 | <p>với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ, Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</p> <p>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế.</p> |
| 93  | 1.003848    | Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, | 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.                      | 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                          | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 10.500.000 đồng | <p>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</p> <p>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                          | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                  | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                             | (4)                                             | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                 | (8)            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|     |             | hợp nhất, sắp nhập                                                              |                                                 |                                                   |                     |                                                                                                     |                | <p>ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ, Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</p> <p>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019.</p> |
| 94  | 1.003876    | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.              | 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh | 5.700.000 đồng | <p>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</p> <p>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                              | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                   | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                 | (4)                                             | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                  | (8)            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |             |                                                                                     |                                                 |                                                   |                     | Hà Giang                                                                             |                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ, Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019.</li> </ul> |
| 95  | 1.003803    | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.              | 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố | 4.300.000 đồng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh,</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                   | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                   | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                      | (4)                                             | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                  | (8)            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     |             |                                                                          |                                                 |                                                   |                     | Hà Giang, tỉnh Hà Giang                                              |                | <p>chữa bệnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ, Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019.</li> </ul> |
| 96  | 1.003774    | Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.              | 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn | 5.700.000 đồng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</li> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                      | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|-------------|------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                    | (4)                                             | (5)                                   | (6)                 | (7)                                     | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |             |                        |                                                 |                                       |                     | Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang |             | <p>định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ, Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</p> <p>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019.</p> |
| 97  | 1.003720    | Công bố đủ điều        | 15 ngày, kể từ                                  | 15 ngày làm                           | Trực tiếp           | Trung tâm Phục                          | Không       | Luật khám bệnh, chữa bệnh số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                               | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                            | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                  | (4)                                             | (5)                                   | (6)                 | (7)                                                                                           | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|     |             | kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | ngày nhận đủ hồ sơ.                             | việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |                     | vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang |             | <p>40/2009/QH12 ngày 23/11/2009.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ, Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết</li> </ul> |

| TT                           | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                       | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                                   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh            | Cách thức thực hiện               | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|------------------------------|-------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)                          | (2)         | (3)                                          | (4)                                                                                                               | (5)                                              | (6)                               | (7)                                                                                                          | (8)            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                              |             |                                              |                                                                                                                   |                                                  |                                   |                                                                                                              |                | định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>VII Lĩnh vực: Mỹ phẩm</b> |             |                                              |                                                                                                                   |                                                  |                                   |                                                                                                              |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 98                           | 1.002483    | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị theo dấu tiếp nhận công văn đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ | 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc qua DVC tuyến độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 1.600.000 đồng | <p>Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 Nghị định của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo</p> <p>- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế Quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế</p> <p>- Thông tư số 277/2016/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 14/11/2016 qui định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực được, mỹ phẩm;</p> <p>- Thông tư số 114/2017/TT-BTC Bộ tài chính ngày 24/10/2017 sửa đổi bổ xung Biểu mức thu phí trong lĩnh vực được, mỹ phẩm ban hành kèm theo Thông tư số 277/2016/TT-BTC</p> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                     | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                     | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện                        | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                        | (4)                                                                                                 | (5)                                                | (6)                                        | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|     |             |                                                                                                                            |                                                                                                     |                                                    |                                            |                                                                                                              |             | - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số Quyết định 3904/QĐ-BYT ngày 18/9/2015 của Bộ y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 99  | 1.000990    | Cấp lại xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng.                                          | 05 kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị theo dấu tiếp nhận công văn đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ | 03 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ        | Trực hoặc DVC tuyển độ 3 tiếp qua trực mức | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 Nghị định của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo;</li> <li>- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế Quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3904/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 18/9/2015 của Bộ y tế.</li> </ul> |
| 100 | 1.000793    | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư 09/2015/TT-BYT | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.                                                  | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực hoặc DVC tuyển độ 3 tiếp qua trực mức | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 Nghị định của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo;</li> <li>- Thông tư số 09/2015/TT-BYT của Bộ Y tế Quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc</li> </ul>                                                                                                                                                                                      |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                       | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                          | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện               | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí           | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                          | (4)                                                                                                      | (5)                                                | (6)                               | (7)                                                                                                          | (8)                   | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |             |                                                                                                                                                              |                                                                                                          |                                                    |                                   |                                                                                                              |                       | lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3904/QĐ-BYT ngày 18/9/2015 của Bộ Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 101 | 1.000662    | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo. | 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị theo dấu tiếp nhận công văn đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ | 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ   | Trực tiếp hoặc qua DVC tuyến độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không                 | - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo;<br>- Thông tư số 09/2015/TT-BYT của Bộ Y tế Quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3904/QĐ-BYT ngày 18/9/2015 của Bộ Y tế |
| 102 | 1.003073    | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm                                                                                                     | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.                                                       | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc qua DVC tuyến độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không                 | - Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4708/QĐ-BYT ngày 31/8/2016 của Bộ Y tế                                                                                                                                                                                                     |
| 103 | 1.003055    | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện                                                                                                                             | 30 ngày làm việc, kể từ                                                                                  | 25 ngày làm việc, kể từ                            | Trực tiếp hoặc qua                | Trung tâm Phục vụ hành chính                                                                                 | 6.000.000đ (Sáu triệu | Luật Đầu tư năm 2014;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện                        | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí     | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                   | (4)                                                | (5)                                                | (6)                                        | (7)                                                                                                          | (8)             | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|     |             | sản xuất mỹ phẩm                                      | ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.                         | ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.                         | DVC trực tuyến mức độ 4                    | công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang                              | đồng)/ cơ sở    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7866/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế</li> </ul>                                   |
| 104 | 1.003064    | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang |                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7866/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 105 | 1.002600    | Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản                    | - Trường hợp cấp số tiếp                           | - Trường hợp cấp số                                | Trực tiếp hoặc qua                         | Trung tâm Phục vụ hành chính                                                                                 | 500.000đ /hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| TT                              | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                             | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                             | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                                                                                                                                                            | Cách thức thực hiện     | Địa điểm thực hiện                                                              | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)                             | (2)         | (3)                                                                                | (4)                                                                                                                                                                                                         | (5)                                                                                                                                                                                                              | (6)                     | (7)                                                                             | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                                 |             | phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước                                                   | nhận: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí công bố theo quy định.<br>-Trường hợp chưa cấp số tiếp nhận: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí công bố theo quy định. | tiếp nhận: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí công bố theo quy định.<br>-Trường hợp chưa cấp số tiếp nhận: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí công bố theo quy định. | DVC trực tuyến mức độ 3 | công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang |             | - Nghị định 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;<br>- Thông tư 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ Y tế;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7866/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế. |
| <b>VIII Lĩnh vực: Dược phẩm</b> |             |                                                                                    |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                  |                         |                                                                                 |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 106                             | 1.003924    | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                           | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                                | Trực tiếp               | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn            | Không       | - Thông tư 03/2016/TT-BYT ngày 21/01/2016 của Bộ Y tế qui định về kinh doanh dược liệu;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại                                                                                                                                                     |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                          | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                             | (4)                                                | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                           |
|     |             |                                                                                                                 |                                                    |                                                   |                     | Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang                                                                      |             | Quyết định số 1371/QĐ-BYT ngày 14/4/2016 của Bộ Y tế.                                                                                                                                                         |
| 107 | 1.003994    | Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu                          | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | - Thông tư 03/2016/TT-BYT ngày 21/01/2016 của Bộ Y tế quy định về kinh doanh dược liệu;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1371/QĐ-BYT ngày 14/4/2016 của Bộ Y tế. |
| 108 | 1.003937    | Bổ sung phạm vi kinh doanh trong giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ  | 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | - Thông tư 03/2016/TT-BYT ngày 21/01/2016 của Bộ Y tế quy định về kinh doanh dược liệu;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1371/QĐ-BYT ngày 14/4/2016 của Bộ Y tế. |
| 109 | 1.004005    | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu                          | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | - Thông tư 03/2016/TT-BYT ngày 21/01/2016 của Bộ Y tế quy định về kinh doanh dược liệu;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1371/QĐ-BYT ngày 14/4/2016 của Bộ Y tế. |
| 110 | 1.004516    | Cho phép bán lẻ                                                                                                 | 30 ngày làm                                        | 30 ngày làm                                       | Trực tiếp           | Trung tâm Phục                                                                                               | Không       | - Luật 105/2017/QH11 ngày 06                                                                                                                                                                                  |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                           | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật             | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                       | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                              | (4)                                                         | (5)                                                         | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|     |             | thuộc thuộc danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được               | việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                       | việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                       |                     | vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang                |             | tháng 4 năm 2016 của Quốc hội;<br>- Nghị định 54/2018/NĐ-CP ngày 16/04/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật được;<br>- Thông tư số 07 /2018/TT-BYT ngày 12/4/2018 qui định chi tiết một số điều về kinh doanh được của Luật được và Nghị định 54/2018/NĐ-CP qui định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật được;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2416/QĐ-BYT ngày 09/6/2017 của Bộ Y tế |
| 111 | 1.004459    | Cho phép bán lẻ thuốc thuộc danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được | 07 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ | 05 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | - Luật 105/2017/QH11 ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội;<br>- Nghị định 54/2018/NĐ-CP ngày 16/04/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật được;<br>- Thông tư số 07 /2018/TT-BYT ngày 12/4/2018 qui định chi tiết một số điều về kinh doanh được của Luật được và Nghị định 54/2018/NĐ-CP qui định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành                                                                                                    |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                              | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                             | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                 | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                     | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |             |                                                                     |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                              |                                         | luật được;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2416/QĐ-BYT ngày 09/6/2017 của Bộ Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 112 | 1.001893    | Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc                        | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không                                   | Luật được 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội;<br>- Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật được;<br>- Thông tư số 07/2018/TT-BYT ngày 12/4/2018 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều về kinh doanh dược của Luật dược và nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số Quyết định số 3949/QĐ-BYT ngày 28/6/2018 của Bộ Y tế |
| 113 | 1.004024    | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy            | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519                                                      | 200.000 đ/cơ sở (đối với tỉnh miền núi, | - Nghị định 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                               | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                  | (4)                                                | (5)                                                | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)           | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|     |             | lê được liệu                                                                         |                                                    | đủ, hợp lệ.                                        |                     | đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang                                                         | vùng sâu, xa) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 89/2012/NĐ-CP ngày 24/10/2012 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư 03/2016/TT-BYT của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BTC của Bộ tài chính;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1371/QĐ-BYT ngày 14/4/2016 của Bộ Y tế.</li> </ul>                                               |
| 114 | 1.003961    | Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ dược liệu | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ  | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Dược số 105/2016/QH13</li> <li>- Nghị định 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định 89/2012/NĐ-CP ngày 24/10/2012 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư 03/2016/TT-BYT của Bộ Y tế;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1371/QĐ-BYT ngày 14/4/2016 của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 115 | 1.003954    | Bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối   | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ  | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn                                         | Không         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Dược số 105/2016/QH13</li> <li>- Nghị định 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định 89/2012/NĐ-CP ngày 24/10/2012 của Chính phủ;</li> </ul>                                                                                                                                                                             |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                               | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                                                                                                    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                  | (4)                                               | (5)                                                | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                                                                                                                                            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|     |             | với cơ sở bán lẻ dược liệu                                                           |                                                   |                                                    |                     | Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang                                                                      |                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư 03/2016/TT-BYT của Bộ Y tế;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1371/QĐ-BYT ngày 14/4/2016 của Bộ Y tế.</li> </ul>                                                                                                                                                                          |
| 116 | 1.004074    | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ dược liệu | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không                                                                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Dược số 105/2016/QH13</li> <li>- Nghị định 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định 89/2012/NĐ-CP ngày 24/10/2012 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư 03/2016/TT-BYT của Bộ Y tế;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1371/QĐ-BYT ngày 14/4/2016 của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 117 | 1.003001    | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc                                    | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP: 1.000.000 đồng/cơ sở.</li> <li>- Phí thẩm định, điều</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.</li> </ul>                                                |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                             | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                                                                                               | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                                                                                                                                       | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|     |             |                                                                                                                                                    |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                              | kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP đối với các cơ sở bán lẻ tại cơ sở các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi:<br>500.000 đồng/cơ sở.                     | - Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế của Bộ Y tế                                                                                                                                                                                         |
| 118 | 1.002967    | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán lẻ có kinh doanh thuốc chất gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất; thuốc phóng xạ | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | - Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP: 1.000.000 đồng/cơ sở.<br>- Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP đối với các cơ sở | - Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016<br>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.<br>- Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.<br>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                                                                                                                                                                                            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                              | bán lẻ tại cơ sở các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi:<br>500.000 đồng/cơ sở.                                                                                                                             | của TTHC được quy định tại Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế của Bộ Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 119 | 1.002958    | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán lẻ thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP: 1.000.000 đồng/cơ sở.<br>- Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP đối với các cơ sở bán lẻ tại cơ sở các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền | - Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016<br>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.<br>- Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.<br>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                     | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                      | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                        | (4)                                               | (5)                                                        | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                                                                                                                                                                                                                                        | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |             | trong một số ngành, lĩnh vực                               |                                                   |                                                            |                     |                                                                                                              | núi:<br>500.000<br>đồng/cơ sở.                                                                                                                                                                                                                             | 29/8/2018 của Bộ Y tế của Bộ Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 120 | 1.002952    | Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc. | 30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ | 30 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Phí thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn bán lẻ thuốc<br>GPP:<br>1.000.000 VNĐ/cơ sở.<br>- Phí thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn bán lẻ thuốc<br>GPP đối với các cơ sở bán lẻ tại cơ sở các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi, hải đảo:<br>500.000 VNĐ/cơ sở. | - Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.<br>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.<br>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;<br>- Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.<br>- Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.<br>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm. |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                      | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                         | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|     |             |                                                                                                                             |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                              |             | - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 5359/QĐ-BYT ngày 12/11/2019 của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 121 |             | Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc chứa tiền chất | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế của Bộ Y tế</li> </ul> |
| 122 | 1.003112    | Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc dạng                                               | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn                                         | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh          | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                                                                                                                     | (4)                                             | (5)                                            | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|     |             | phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực; |                                                 |                                                |                     | Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang                                                                      |             | <p>pháp thi hành Luật Dược.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế của Bộ Y tế</li> </ul> |
| 123 | 1.002934    | Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT                                                                                                                                                  | 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo  | 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT</li> </ul>                                                                                                          |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                     | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                   | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                                                             | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|     |             |                                                                       |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                              |                                                                                 | ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế của Bộ Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 124 | 1.002258    | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | - Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4.000.000 đồng/cơ sở | - Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016<br>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.<br>- Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.<br>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế của Bộ Y tế |
| 125 | 1.002414    | Đánh giá đáp ứng                                                      | 30 ngày làm                                       | 30 ngày làm                                       | Trực tiếp           | Trung tâm Phục                                                                                               | - Phí thẩm                                                                      | - Luật Dược số 105/2016/QH13                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                       | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                     | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                          | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                                                             | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |             | Thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất. | việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ             | việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ             |                     | vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang                | định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4.000.000 đồng/cơ sở            | ngày 06/4/2016<br>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.<br>- Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc<br>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế của Bộ Y tế Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 |
| 126 | 1.002353    | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây   | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | - Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4.000.000 đồng/cơ sở | - Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016<br>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.<br>- Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế quy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                   | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                     | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                                                                                      | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                                                             | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|     |             | nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực. |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                              |                                                                                 | <p>định về Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.</p> <p>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế của Bộ Y tế</p>                                                       |
| 127 | 1.002339    | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại.                                                                                                                             | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | - Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4.000.000 đồng/cơ sở | <p>- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016</p> <p>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.</p> <p>- Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.</p> <p>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,</p> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                            | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                     | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                               | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                                                             | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|     |             |                                                                                                                                                                   |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                              |                                                                                 | quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 128 |             | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, có chứa tiền chất không vì mục đích thương mại. | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | - Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4.000.000 đồng/cơ sở | Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016<br>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.<br>- Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.<br>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế của Bộ Y tế |
| 129 | 1.002313    | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân                                                                                                                 | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ              | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận                 | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà                                                                    | - Phí thẩm định, điều kiện tiêu                                                 | - Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016<br>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                 | Phí, lệ phí                                     | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | (4)                                             | (5)                                   | (6)                 | (7)                                                                | (8)                                             | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|     |             | phối thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực không vì mục | hồ sơ hợp lệ                                    | đủ hồ sơ hợp lệ                       |                     | Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | chuẩn phân phối thuốc GDP: 4.000.000 đồng/cơ sở | ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.<br>- Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc<br>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế của Bộ Y tế |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                        | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                                                                       | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                           | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                                                                                                               | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |             | đích thương mại.                                                              |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                              |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 130 | 1.002292    | Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc | 30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ | 30 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4.000.000 VNĐ/cơ sở.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.</li> <li>- Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                    | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                             | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                           | Cách thức thực hiện               | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                  | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                       | (4)                                                                         | (5)                                                             | (6)                               | (7)                                                                                                          | (8)                                                          | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |             |                                                                                                                                           |                                                                             |                                                                 |                                   |                                                                                                              |                                                              | định số 5359/QĐ-BYT ngày 12/11/2019 của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 131 | 1.002235    | Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT | 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo                              | 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo                  | Trực tiếp                         | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.</li> <li>- Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế của Bộ Y tế</li> </ul> |
| 132 | 1.002399    | Cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền                      | -Trường hợp không phải đánh giá cơ sở: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ | - Trường hợp không phải đánh giá cơ sở: 15 ngày làm việc, kể từ | Trực tiếp hoặc qua DVC tuyến độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh          | -Thẩm định điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018 của Chính phủ;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                                  | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                                                                         | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                  |
|-----|-------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                    | (4)                                                                                                              | (5)                                                                                                                           | (6)                 | (7)                | (8)                                                                                                                                                                                                                                                                                              | (9)                                                                                                                                                                                              |
|     |             | của Sở Y tế            | <p>hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp phải đánh giá cơ sở: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> | <p>ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp phải đánh giá cơ sở: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> |                     | Hà Giang           | <p>(GDP): 4.000.000đ/ cơ sở</p> <p>-Thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn bán lẻ thuốc (GPP) hoặc tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề được đối với các cơ sở bán lẻ thuốc chưa bắt buộc thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc theo lộ trình: 1.000.000đ/ cơ sở</p> <p>- Thẩm định</p> | <p>- Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế</p> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                            | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                                                                          | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                               | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                                                                                                                  | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |             |                                                                                                                                                   |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                              | điều kiện, tiêu chuẩn bán lẻ thuốc (GPP) đối với cơ sở bán lẻ tại các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000đ/cơ sở |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 133 | 1.002276    | Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc chứa tiền chất | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BYT ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện                        | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí     | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                                                                   | (4)                                               | (5)                                               | (6)                                        | (7)                                                                                                          | (8)             | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     |             |                                                                                                                                                                                                                                       |                                                   |                                                   |                                            |                                                                                                              |                 | của TTHC được quy định tại Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế của Bộ Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 134 | 1.004616    | Cấp Chứng chỉ hành nghề được (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề được nhưng Chứng chỉ hành nghề được bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật được) theo hình thức xét hồ sơ | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 500.000 đ/hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;</li> <li>- Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế</li> </ul> |
| 135 | 1.004604    | Cấp Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề được bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề được                                                                            | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;</li> <li>- Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.</li> </ul>                                                                         |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                        | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                              | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                        | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                          | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                           | (4)                                                                                          | (5)                                                                          | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)                                                                  | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 136 | 1.004599    | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng, bị mất)                     | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                            | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                            | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 137 | 1.004596    | Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ                                         | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                            | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                            | Trực tiếp                              | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 138 | 1.004593    | Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận | - Trường hợp không phải đi đánh giá cơ sở: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | - Trường hợp không phải đi đánh giá cơ sở: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận | Trực tiếp                              | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | - Thẩm định điều kiện kinh doanh thuộc đối với cơ sở bán buôn (GDP): | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BTC</li> </ul>                                                                                       |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                            | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                        | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                                                     | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                          |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                                                                               | (4)                                                                                    | (5)                                                                                                       | (6)                 | (7)                | (8)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | (9)                                                                                                                                                      |
|     |             | đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | - Trường hợp phải đi đánh giá cơ sở: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | đủ hồ sơ hợp lệ<br>- Trường hợp phải đi đánh giá cơ sở: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |                     | Hà Giang           | 4.000.000đ/ cơ sở<br>- Thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn bán lẻ thuốc (GPP) hoặc tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề được đối với các cơ sở bán lẻ thuốc chưa bắt buộc thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc theo lộ trình: 1.000.000đ/ cơ sở<br>- Thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn bán lẻ thuốc (GPP) đối | ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế. |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                  | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                                                                                                                                                                                 | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                        | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | (4)                                                                                                                                                                                                                                              | (5)                                                                                                                                                                                                                                   | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                                                                                                                                                                                                                | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                       |                     |                                                                                                              | với cơ sở bán lẻ tại các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000đ/cơ sở                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 139 | 1.004585    | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh dược hoặc thay đổi phạm vi kinh doanh dược có làm thay đổi Điều kiện kinh doanh; thay đổi địa Điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp không phải đi đánh giá cơ sở: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Trường hợp phải đi đánh giá cơ sở: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp không phải đi đánh giá cơ sở: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Trường hợp phải đi đánh giá cơ sở: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ</li> </ul> | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẩm định điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn (GDP): 4.000.000đ/cơ sở</li> <li>- Thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn bán lẻ thuốc (GPP) hoặc tiêu chuẩn và điều kiện</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;</li> <li>- Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                         | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý cho việc công bố |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                            | (4)                                             | (5)                                   | (6)                 | (7)                | (8)                                                                                                                                                                                                                                                                                          | (9)                             |
|     |             | nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) |                                                 | sơ hợp lệ.                            |                     |                    | <p>hành nghề được đổi với các cơ sở bán lẻ thuốc chưa bắt buộc thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc theo lộ trình: 1.000.000d/ cơ sở</p> <p>- Thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn bán lẻ thuốc (GPP) đổi với cơ sở bán lẻ tại các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi,</p> |                                 |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                    | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                          | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                     | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                                                                                                       | (4)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | (5)                                                                                                                                                                                                                                                                                            | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)                             | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|     |             |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                        |                                                                                                              | hải đảo:<br>500.000đ/<br>cơ sở. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 140 | 1.004576    | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược bị mất, hư hỏng: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp cấp lại do lỗi của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược bị mất, hư hỏng: 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp cấp lại do lỗi của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược: 05 ngày làm</li> </ul> | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                       | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật                          | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh                             | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                                                                                                          | (4)                                                                      | (5)                                                               | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|     |             |                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                          | việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.                            |                                        |                                                                                                              |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 141 | 1.004571    | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.                       | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.                | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 3 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế</li> </ul> |
| 142 | 1.004557    | Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động                                                                                                                                                                                                                                    | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ sở tổ chức bán lẻ | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ sở tổ chức | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 4 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh          | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;</li> </ul>                                                                                                                             |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                               | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí       | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                  | (4)                                                | (5)                                                | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)               | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|     |             |                                                                                                                                                                      | thuốc lưu động                                     | bán lẻ thuốc lưu động                              |                     | Hà Giang                                                                                                     |                   | - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 143 | 1.003963    | Cấp Giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc                                                                                  | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 1.600.000đ/ hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 144 | 1.004449    | Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật được 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội</li> <li>- Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày</li> </ul>                                                                                                                   |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                    | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                                       | (4)                                                | (5)                                                | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)          | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|     |             | nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt                                                                                  |                                                    |                                                    |                     |                                                                                                              |              | 28/12/2018 của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 145 | 1.004087    | Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không        | Luật được 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội<br>- Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;<br>- Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế. |
| 146 | 1.003613    | Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước                                                                                                                                                                 | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 100.000 đồng | - Luật được 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội<br>- Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;<br>- Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;                                                                                                                      |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                   | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật    | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh              | Cách thức thực hiện                    | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                      | (4)                                                | (5)                                                | (6)                                    | (7)                                                                                                          | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     |             |                                                                                                                                                                                          |                                                    |                                                    |                                        |                                                                                                              |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                          |
| 147 | 1.004532    | Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là được chất gây nghiện, được chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 4 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội</li> <li>- Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 148 | 1.004529    | Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm                                                                       | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp hoặc DVC trực tuyến mức độ 4 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh          | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội</li> <li>- Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                          |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                   | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh   | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                              | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                                                                                                                                      | (4)                                               | (5)                                     | (6)                 | (7)                                                                                                          | (8)                                                                                                                                                                                      | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|     |             | quyền của Sở Y tế                                                                                                                        |                                                   |                                         |                     | Hà Giang                                                                                                     |                                                                                                                                                                                          | 12/11/2018 của Chính phủ;<br>- Thông tư 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.                                                                                                                                                       |
| 149 |             | Đăng ký lần đầu, đăng ký lại và đăng ký gia hạn các thuốc dùng ngoài sản xuất trong nước qui định tại Phụ lục V- Thông tư 44/2014/TT-BYT | 56 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 50 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | - Thẩm định cấp phép lưu hành thuốc và nguyên liệu làm thuốc đối với đăng ký lần đầu, đăng ký lại 5.500.000 đồng<br>- Thẩm định cấp phép lưu hành thuốc và nguyên liệu làm thuốc đối với | Thông tư 44/2014/TT-BYT ngày 25/11/2014 của Bộ Y tế Quy định việc đăng ký thuốc;<br>- Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Qui định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1414/QĐ-BYT ngày 17/4/2015 của Bộ Y tế |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                           | Căn cứ pháp lý cho việc công bố |
|-----|-------------|------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                    | (4)                                             | (5)                                   | (6)                 | (7)                | (8)                                                                                                                                                                                                                                                                   | (9)                             |
|     |             |                        |                                                 |                                       |                     |                    | đăng ký gia hạn<br>3.000.000 đồng<br>- Thẩm định cấp phép lưu hành đối với hồ sơ đăng ký thay đổi/bổ sung thuốc, nguyên liệu làm thuốc đã có giấy phép lưu hành (thay đổi lớn, thay đổi nhỏ (bao gồm thay đổi nhỏ cần phê duyệt và thay đổi theo hình thức thông báo) |                                 |

| TT                                    | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                               | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật   | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh             | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                         | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1)                                   | (2)         | (3)                                                                                                                                                                                  | (4)                                               | (5)                                               | (6)                 | (7)                                                                                                                                                        | (8)            | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|                                       |             |                                                                                                                                                                                      |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                                                                            | 1.000.000 đồng |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>IX Lĩnh vực: Đào tạo</b>           |             |                                                                                                                                                                                      |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                                                                            |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 150                                   | 1.004539    | Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh | 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Quầy giao dịch số 09-Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, tổ 5 Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ về quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;</li> <li>- Quyết định số 5125/QĐ-BYT, ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế</li> </ul>                   |
| <b>B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b> |             |                                                                                                                                                                                      |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                                                                            |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>C THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>    |             |                                                                                                                                                                                      |                                                   |                                                   |                     |                                                                                                                                                            |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 151                                   | 1.005364    | Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số                                                                                                            | 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ   | 10 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ            | Trực tiếp           | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã                                                                                      | Không          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bình đẳng giới năm 2006.</li> <li>- Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 792/QĐ-BYT ngày 04/3/2019</li> </ul> |

| TT  | Mã TTHC gốc | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật | Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-------------|------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|--------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)         | (3)                    | (4)                                             | (5)                                   | (6)                 | (7)                | (8)         | (9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |             |                        |                                                 |                                       |                     |                    |             | của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Dân số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế. Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh Hà Giang về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ của Ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang. |

**\* Ghi chú:** Cách thức thực hiện trực tiếp bao gồm: Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận Một cửa nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích (nhân viên Bưu điện nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại Bộ phận Một cửa) hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật (**Áp dụng đối với Mục I**).

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CƠ QUAN

| TT                                    | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính            | Thời hạn giải quyết theo qui định của pháp luật | Thời hạn giải quyết thực tế tại tỉnh           | Cách thức thực hiện | Địa điểm thực hiện                                                       | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---------------------------------------|------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b> |            |                                   |                                                 |                                                |                     |                                                                          |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>I Lĩnh vực: Giám định y khoa</b>   |            |                                   |                                                 |                                                |                     |                                                                          |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 152                                   | 1.002706   | Khám giám định thương tật lần đầu | 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ  | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp           | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang | Không       | <p>Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.</p> <p>- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 25/11/2014 hướng dẫn khám giám định thương tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh của liên Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định 1009/QĐ-BYT ngày 26/3/2015 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y</p> |

|     |          |                                                                   |                                                |                                                                        |           |                                                                                         |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|----------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                                   |                                                |                                                                        |           |                                                                                         |       | tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 153 | 2.001022 | Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời | 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ<br><br>1500.<br>30 ngày | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.</li> <li>- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.</li> <li>- Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 25/11/2014 hướng dẫn khám giám định thương tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh của liên Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định 1009/QĐ-BYT ngày 26/3/2015 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 154 | 1.002392 | Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương              | 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ<br><br>30 ngày          | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.</li> <li>- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

|     |          |                                                      |                                                |                                                |           |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|----------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                      |                                                |                                                |           |                                                                                         | <p>chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 25/11/2014 hướng dẫn khám giám định thương tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh của liên Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định 1009/QĐ-BYT ngày 26/3/2015 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>                                             |
| 155 | 1.002405 | Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót | 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không <p>- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.</p> <p>- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 25/11/2014 hướng dẫn khám giám định thương tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh của liên Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> |

|     |          |                                                       |                                                |                                                |           |                                                                                         |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|----------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                       |                                                |                                                |           |                                                                                         |       | - Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định 1009/QĐ-BYT ngày 26/3/2015 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 156 | 1.002412 | Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát | 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.</li> <li>- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.</li> <li>- Thông tư liên tịch số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 25/11/2014 hướng dẫn khám giám định thương tật đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh của liên Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định 1009/QĐ-BYT ngày 26/3/2015 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 157 | 1.000281 | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường       | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ           | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận              | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10                                                       | Không | - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

|     |          |                                                                                                                                         |                                                |                                                |           |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật.                                                | sơ hợp lệ                                      | hồ sơ hợp lệ                                   |           | phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang                                   | hành một số điều của Luật người khuyết tật;<br>- Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của liên Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng GDYK thực hiện.<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định 4760/QĐ-BYT ngày 09/11/2015 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.                                                                                                                 |
| 158 | 1.000278 | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật. | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không<br>- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;<br>- Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của liên Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng GDYK thực hiện.<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định 4760/QĐ-BYT ngày 09/11/2015 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế. |

|     |          |                                                                                                                                                                                                  |                                                |                                                |           |                                                                                         |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 159 | 1.000276 | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của liên Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng GDYK thực hiện.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định 4760/QĐ-BYT ngày 09/11/2015 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 160 | 1.000272 | Khám giám định đối với trường hợp Người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác.          | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của liên Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng GDYK thực hiện.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định 4760/QĐ-BYT ngày 09/11/2015 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục</li> </ul>                                                                               |

|     |          |                                                                                                                                                                                                                                           |                                                |                                                |           |                                                                                         |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                                                                                                                                                                                                           |                                                |                                                |           |                                                                                         |       | hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 161 | 1.000269 | Khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác. | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không | <p>Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của liên Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng GDYK thực hiện.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định 4760/QĐ-BYT ngày 09/11/2015 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p> |
| 162 | 1.000262 | Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định Y khoa đã ban hành biên bản khám giám định                                                               | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không | <p>- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của liên Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng GDYK thực hiện.</p>                                                                                                                                                                                                                   |

|     |          |                                                                                                                                                                                                   |                                                |                                                |           |                                                                                         |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                                                                                                                                                                   |                                                |                                                |           |                                                                                         |       | - Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định 4760/QĐ-BYT ngày 09/11/2015 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 163 | 1.000439 | Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định Y khoa đã ban hành biên bản khám giám định | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của liên Bộ Y tế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng GDYK thực hiện.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định 4760/QĐ-BYT ngày 09/11/2015 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 164 | 1.003691 | Khám GDYK lần đầu đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP                                                          | 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.</li> <li>- Thông tư liên tịch số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

|     |          |                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                |                                                |           |                                                                                         |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.                                                                                                                    |                                                |                                                |           |                                                                                         |       | động - Thương binh và Xã hội về Hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|     |          |                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                |                                                |           |                                                                                         |       | - Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định số 784/QĐ-BYT ngày 08/3/2017 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính được bãi bỏ tại TTLT số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016 về Hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ.                                                                                                 |
| 165 | 1.003662 | Khám GDYK lần đầu đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu | 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Không | - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.<br>- Thông tư liên tịch số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ.<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại |

|     |          |                                                       |                   |                                                |           |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|----------|-------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | đãi người có công với cách mạng.                      |                   |                                                |           |                                                                                         | được quy định tại Quyết định số 784/QĐ-BYT ngày 08/3/2017 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính được bãi bỏ tại TTLT số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016 về Hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 166 | 1.002706 | Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động | Không có thời hạn | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | <p>1.150.000 đồng/lần (Cận lâm sàng tùy theo chỉ định của Bác sỹ)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;</li> <li>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.</li> <li>- Thông tư 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi được quy định tại Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y</li> </ul> |

|     |          |                                                                   |                   |                                                |           |                                                                                         |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|----------|-------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                                   |                   |                                                |           |                                                                                         |                                                                | tế quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 167 | 1.002694 | Khám giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp                        | Không có thời hạn | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 1.150.000 đồng/lần (Cận lâm sàng tùy theo chỉ định của Bác sỹ) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;</li> <li>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.</li> <li>- Thông tư 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi được quy định tại Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.</li> </ul> |
| 168 | 1.002671 | Khám giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động | Không có thời hạn | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà                      | 1.150.000 đồng/lần (Cận lâm sàng tùy theo chỉ định của         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

|     |          |                                            |                   |                                                |           |                                                                                         |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|----------|--------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                            |                   |                                                |           | Giang, tỉnh Hà Giang                                                                    | Bác sỹ)                                                        | <p>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.</p> <p>- Thông tư 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi được quy định tại Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.</p> |
| 169 | 1.002208 | Khám giám định để thực hiện chế độ tử tuất | Không có thời hạn | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 1.150.000 đồng/lần (Cận lâm sàng tùy theo chỉ định của Bác sỹ) | <p>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;</p> <p>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.</p> <p>- Thông tư 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y</p>                                                                                                                                                                                                          |

|     |          |                                                                                                                                                             |                   |                                                |           |                                                                                         |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                                                                                                                             |                   |                                                |           |                                                                                         |                                                                | khoa<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi được quy định tại Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 170 | 1.002190 | Khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai | Không có thời hạn | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 1.150.000 đồng/lần (Cận lâm sàng tùy theo chỉ định của Bác sỹ) | - Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014;<br>- Luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;<br>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.<br>- Thông tư 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi được quy định tại Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật bảo |

|     |          |                                                                               |                   |                                                |           |                                                                                         |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|----------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                                               |                   |                                                |           |                                                                                         |                                                                | hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 171 | 1.002168 | Khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần                               | Không có thời hạn | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 1.150.000 đồng/lần (Cận lâm sàng tùy theo chỉ định của Bác sỹ) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;</li> <li>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.</li> <li>- Thông tư 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi được quy định tại Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.</li> </ul> |
| 172 | 1.002146 | Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động | Không có thời hạn | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 1.150.000 đồng/lần (Cận lâm sàng tùy theo chỉ định của Bác sỹ) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;</li> <li>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

|     |          |                                              |                   |                                                |           |                                                                                         |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|----------|----------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                              |                   |                                                |           | Giang                                                                                   |                                                                | <p>29/12/2017 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.</p> <p>- Thông tư 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi được quy định tại Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.</p> |
| 173 | 1.002136 | Khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát | Không có thời hạn | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 1.150.000 đồng/lần (Cận lâm sàng tùy theo chỉ định của Bác sỹ) | <p>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;</p> <p>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.</p> <p>- Thông tư 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa</p>                                                                                                                                                                   |

|     |          |                         |                   |                                                |           |                                                                                         |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|----------|-------------------------|-------------------|------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                         |                   |                                                |           |                                                                                         |                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi được quy định tại Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 174 | 1.002118 | Khám giám định tổng hợp | Không có thời hạn | 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Trung tâm Giám định Y khoa, tổ 10 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | 1.150.000 đồng/lần (Cận lâm sàng tùy theo chỉ định của Bác sỹ) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014;</li> <li>- Luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;</li> <li>- Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.</li> <li>- Thông tư 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định số 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi được quy định tại Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh</li> </ul> |

|     |          |                                                                                                     |                                                   |                                                    |           |                           |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------|---------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                                                                     |                                                   |                                                    |           |                           |       | lao động thuộc lĩnh vực y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 175 | 1.001069 | Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp | Tại Cơ sở khám, chữa bệnh | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính.</li> <li>- Thông tư số 29/2010/TT-BYT ngày 24/5/2010 của Bộ Y tế Hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 176 | 1.001050 | Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 18 tuổi trở lên             | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp | Tại Cơ sở khám, chữa bệnh | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính.</li> <li>- Thông tư số 29/2010/TT-BYT ngày 24/5/2010 của Bộ Y tế Hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 177 | 1.004624 | Đề nghị được                                                                                        | 15 ngày làm                                       | 15 ngày làm                                        | Trực tiếp | Tại Cơ sở                 | Không | - Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

|                                  |              |                                                                                     |                                                                                                       |                                                                                                        |           |                          |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                  |              | thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người chưa đủ 16 tuổi             | việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                 | việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.                                                                 |           | khám chữa bệnh           |       | <p>05 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính.</p> <p>- Thông tư số 29/2010/TT-BYT ngày 24/5/2010 của Bộ Y tế Hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại được quy định tại Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>                                   |
| <b>II Lĩnh vực Y tế dự phòng</b> |              |                                                                                     |                                                                                                       |                                                                                                        |           |                          |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 178                              | 1.00223<br>1 | Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh điều trị đặc biệt tại cơ sở khám, chữa bệnh | Ngay sau khi tiếp nhận đơn đề nghị uống thuốc Methadone tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của người bệnh | Ngay sau khi tiếp nhận đơn đề nghị uống thuốc Methadone tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của người bệnh. | Trực tiếp | Cơ sở điều trị Methadone | Không | <p>- Luật Dược số 34/2005/QH-11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;</p> <p>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;</p> <p>- Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quản lý thuốc Methadone.</p> <p>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4308/QĐ-BYT ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm</p> |

|     |              |                                                                                                                                 |                                                                                                         |                                                                                                         |           |                          |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |              |                                                                                                                                 |                                                                                                         |                                                                                                         |           |                          |       | vi chức năng quản lý của Bộ Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 179 | 1.00221<br>6 | Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh đặc biệt điều trị tại nhà.                                                              | Ngày sau khi tiếp nhận đơn đề nghị uống thuốc Methadone tại nhà của người bệnh                          | Ngày sau khi tiếp nhận đơn đề nghị uống thuốc Methadone tại nhà của người bệnh.                         | Trực tiếp | Cơ sở điều trị Methadone | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Dược số 34/2005/QH-11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế</li> <li>- Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quản lý thuốc Methadone.</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4308/QĐ-BYT ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế</li> </ul> |
| 180 | 1.00348<br>1 | Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng | Ngày sau khi nhận được Đơn đăng ký của đối tượng đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện | Ngày sau khi nhận được Đơn đăng ký của đối tượng đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện | Trực tiếp | Cơ sở điều trị Methadone | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7678/QĐ-BYT, ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số</li> </ul>                                                       |

|     |              |                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                         |                                                                                                         |           |                          |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |              |                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                         |                                                                                                         |           |                          |       | 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 181 | 1.00346<br>8 | Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người có tiền sử nghiện chất dạng thuốc phiện trong các cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng | Ngay sau khi nhận được Đơn đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện của đối tượng quản lý | Ngay sau khi nhận được Đơn đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện của đối tượng quản lý | Trực tiếp | Cơ sở điều trị Methadone | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7678/QĐ-BYT, ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế</li> </ul> |
| 182 | 1.00461<br>2 | Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng                                                                                                                     | Ngay sau khi nhận được hồ sơ                                                                            | Ngay sau khi nhận được hồ sơ                                                                            | Trực tiếp | Cơ sở điều trị Methadone | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7678/QĐ-BYT, ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính hành chính</li> </ul>                                                                                                                                                          |

|     |              |                                                                                                                                     |                              |                              |           |                          |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------|--------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |              |                                                                                                                                     |                              |                              |           |                          |       | được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 183 | 1.00460<br>6 | Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý                 | Ngay sau khi nhận được hồ sơ | Ngay sau khi nhận được hồ sơ | Trực tiếp | Cơ sở điều trị Methadone | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7678/QĐ-BYT, ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế</li> </ul> |
| 184 | 1.00460<br>6 | Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện được trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý | Ngay sau khi nhận được hồ sơ | Ngay sau khi nhận được hồ sơ | Trực tiếp | Cơ sở điều trị Methadone | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</li> <li>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 7678/QĐ-BYT, ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế về việc công</li> </ul>                                                                                                                                                                                           |

|     |              |                                                                         |                                                                                 |                                                                                 |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|--------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |              |                                                                         |                                                                                 |                                                                                 |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | bổ thủ tục hành chính hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 185 | 2.00099<br>7 | Cấp Giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng. | Ngay sau khi tiếp nhận đủ đơn và tài liệu minh chứng đã tiêm vắc xin phòng bệnh | Ngay sau khi tiếp nhận đủ đơn và tài liệu minh chứng đã tiêm vắc xin phòng bệnh | Trực tiếp | <p>Bộ phận kiểm dịch Y tế Quốc tế - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Trạm liên ngành Cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.</li> <li>- Tại Trạm liên ngành Cửa khẩu Quốc gia Xin Mần, xã Xin Mần, huyện Xin Mần, tỉnh Hà Giang.</li> </ul> | <p>Tiêm chủng, áp dụng biện pháp dự phòng và cấp chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng (Mức thu không bao gồm tiền vắc xin, thuốc, khâu trang):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêm chủng vắc xin Sốt vàng và cấp chứng nhận tiêm chủng quốc tế: 8 USD/lần.</li> <li>- Tiêm chủng (gồm vắc xin</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007 về Phòng, chống bệnh truyền nhiễm</li> <li>- Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới</li> <li>- Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở Y tế công lập.</li> <li>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4921/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Y tế dự phòng</li> </ul> |

|     |          |                                             |                                                                                                                                                            |                                                                                                  |                                             |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|----------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                             |                                                                                                                                                            |                                                                                                  |                                             |                                                                                                                                          | đường uống, đường tiêm), áp dụng biện pháp dự phòng và cấp chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng (gồm lần đầu, tái chủng, theo lịch, kiểm tra cấp lại chứng nhận tiêm chủng quốc tế): 85.000 đồng/lần. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 186 | 2.000993 | Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải. | - Thời gian hoàn thành việc giám sát đối với một phương tiện vận tải không quá 01 giờ đối với phương tiện đường bộ; 02 giờ đối với phương tiện đường thủy. | Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế không quá 01 giờ đối với phương tiện vận tải đường bộ | Kiểm tra/ xử lý y tế trực tiếp tại cửa khẩu | Bộ phận kiểm dịch Y tế Quốc tế - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh:<br>- Tại Trạm liên ngành Cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, | - Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng từ 5 tấn trở lên: 35.000                                                                                                  | - Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007 về Phòng, chống bệnh truyền nhiễm<br>- Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới<br>- Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ |

|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                         |
|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | <p>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một phương tiện vận tải không quá 20 phút kể từ khi nhận đủ giấy tờ.</p> <p>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế không quá 01 giờ đối với phương tiện vận tải đường bộ, 02 giờ đối với phương tiện vận tải đường thủy. Trường hợp quá thời gian kiểm tra nhưng chưa hoàn thành công tác chuyên môn, nghiệp vụ kiểm dịch y tế, trước khi hết thời gian quy định 15 phút, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn</p> |  | <p>huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.</p> <p>- Tại Trạm liên ngành Cửa khẩu Quốc gia Xín Mần, xã Xín Mần, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.</p> | <p>đồng/lần/xe</p> <p>- Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng dưới 5 tấn 25.000</p> <p>đồng/lần/xe</p> <p>- Phương tiện đường bộ các loại tải trọng từ 5 tấn trở lên (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) 65.000</p> <p>đồng/phương tiện</p> <p>- Phương tiện đường bộ các loại tải trọng dưới 5 tấn (công nông, xe tải, xe</p> | <p>sở Y tế công lập</p> <p>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4921/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Y tế dự phòng</p> |
|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  | <p>thời gian kiểm tra thực tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế biết, thời gian gia hạn không quá 01 giờ.</p> <p>- Thời gian cấp giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền không quá 30 phút sau khi hoàn thành việc xử lý y tế.</p> <p>- Thời gian hoàn thành các biện pháp xử lý y tế:</p> <p>+ Không quá 01 giờ đối với một phương tiện vận tải đường bộ;</p> <p>+ Không quá 06 giờ đối với một tàu thuyền kể từ thời điểm phát hiện ra phương tiện vận tải thuộc</p> |  |  | <p>bán tải, xe con, xe khách, xe khác)</p> <p>21.000 đồng/phương tiện</p> <p>- Kho hàng 0,14 USD/m<sup>3</sup>kh o hàng</p> <p>- Container 40 fit 28 USD/contai ner</p> <p>- Container 20 fit 14 USD/contai ner</p> <p>- Kho hàng, container các loại 0,4 USD/m<sup>2</sup>diệ n tích khử trùng</p> <p>- Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng trên 30 tấn</p> <p>55.000 đồng/phương tiện</p> |  |
|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  | <p>diện phải xử lý y tế.</p> <p>+ Không quá 24 giờ đối với tàu thuyền trong trường hợp phải xử lý y tế bằng hình thức bẫy chuột, đặt mồi, xông hơi diệt chuột.</p> <p>+ Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ đối với một phương tiện vận tải đường bộ; không quá 04 giờ đối với một tàu thuyền kể từ thời điểm</p> |  |  | <p>- Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng từ 5 tấn đến 30 tấn (công nông, xe tải, xe con, xe khách, xe khác) 40.000 đồng/phương tiện</p> <p>- Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng dưới 5 tấn (công nông, xe tải, xe con, xe khách, xe khác) 25.000 đồng/phương tiện</p> |  |
|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|     |          |                                 | có thông báo gia hạn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|----------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 187 | 2.000981 | Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa | <p>Thời gian hoàn thành việc giám sát đối với hàng hóa không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên.</p> <p>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một lô hàng hóa không quá 20 phút.</p> <p>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế phải không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên.</p> <p>- Thời gian hoàn thành các</p> | <p>Thời gian hoàn thành việc giám sát đối với hàng hóa không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên</p> <p>Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một lô hàng hóa không quá 20 phút.</p> <p>- Thời gian hoàn thành các biện pháp xử lý y tế không quá 02 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 06 giờ</p> | Kiểm tra/ xử lý y tế trực tiếp tại cửa khẩu | <p>Bộ phận kiểm dịch Y tế Quốc tế - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh:</p> <p>- Tại Trạm liên ngành Cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.</p> <p>- Tại Trạm liên ngành Cửa khẩu Quốc gia Xín Mần, xã Xín Mần, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.</p> | <p>- Dưới 5 tấn 35.000 đồng/lần kiểm tra</p> <p>- Từ 5 tấn đến 10 tấn 50.000 đồng/lần kiểm tra</p> <p>- Từ trên 10 tấn đến 15 tấn 60.000 đồng/lần kiểm tra</p> <p>- Từ trên 15 tấn đến 30 tấn 75.000 đồng/lần kiểm tra</p> <p>- Từ trên 30 tấn đến 60 tấn 80.000 đồng/lần kiểm tra</p> <p>- Từ trên 60 tấn 100 tấn 110.000 đồng/lần kiểm tra</p> <p>- Từ trên 140.000</p> | <p>Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007 về Phòng, chống bệnh truyền nhiễm</p> <p>- Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới</p> <p>- Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở Y tế công lập</p> <p>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4921/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Y tế dự phòng</p> |

|     |              |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                  |                                                      |                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                         |
|-----|--------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |              |                                                                                 | <p>biện pháp xử lý y tế không quá 02 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 06 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 02 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.</p> | <p>đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 02 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.</p> |                                                                  |                                                      | <p>đồng/lần kiểm tra</p> <p>- Lô/kiện dưới 10kg 7.000 đồng/lần kiểm tra</p> <p>- Lô/kiện từ 10kg đến 100kg 15.000 đồng/lần kiểm tra</p> <p>- Lô/kiện trên 100kg 20.000 đồng/lần kiểm tra</p> |                                                                                                                                                         |
| 188 | 1.00220<br>4 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ | Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế đối với một lô mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một lô mẫu vi sinh y                                                                                                                                                                                                                                                          | Cán bộ kiểm dịch y tế tổ chức kiểm tra trực tiếp tại cửa khẩu và | Bộ phận kiểm dịch Y tế Quốc tế - Trung tâm Kiểm soát | 6,5USD/lần kiểm tra/kiện, lô, mẫu sản phẩm, mô,                                                                                                                                              | <p>Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007 về Phòng, chống bệnh truyền nhiễm</p> <p>- Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ quy định</p> |

|  |  |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                  |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|--|--|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | phận cơ thể người | hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người không quá 01 giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế biên giới yêu cầu xử lý y tế. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn | học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người không quá 15 phút kể từ khi nộp đủ giấy tờ.<br>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế đối với một lô mẫu vi sinh y học hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người không quá 01 giờ kể từ khi nộp đủ giấy tờ.<br>Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế đối với một lô mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người không quá 01 giờ kể từ khi tổ chức | cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu đủ các điều kiện theo quy định) | bệnh tật tính:<br>- Tại Trạm liên ngành Cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.<br>- Tại Trạm liên ngành Cửa khẩu Quốc gia Xín Mần, xã Xín Mần, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. | bộ phận | chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới<br>- Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở Y tế công lập<br>- Những bộ phận cấu thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4921/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Y tế dự phòng |
|--|--|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                          |              |                                          |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |           |                                             |                  |                                                                                                                    |
|------------------------------------------|--------------|------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                          |              |                                          |          | kiểm dịch y tế biên giới yêu cầu xử lý y tế. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn. |           |                                             |                  |                                                                                                                    |
| <b>III Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh</b> |              |                                          |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |           |                                             |                  |                                                                                                                    |
| 189                                      | 1.00168<br>7 | Cấp Giấy khám sức khỏe cho người lái xe. | Không có | Ngay trong ngày làm việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Trực tiếp | Các cơ sở đủ điều kiện khám sức khỏe lái xe | 246.200 đồng/lần | - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;<br>- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày |

|     |              |                                             |                                           |                                                                            |           |                                             |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|--------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |              |                                             |                                           |                                                                            |           |                                             |                  | <p>21/8/2015 của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải về về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với với lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe.</p> <p>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Hướng dẫn khám sức khỏe;</p> <p>-Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 4759/QĐ-BYT ngày 09/11/2015 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p> |
| 190 | 1.00167<br>5 | Khám sức khỏe định kỳ của người lái xe ô tô | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | <p>- Cá nhân: Ngay trong ngày làm việc.</p> <p>Tổ chức: Theo hợp đồng.</p> | Trực tiếp | Các cơ sở đủ điều kiện khám sức khỏe lái xe | 246.200 đồng/lần | <p>- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải về về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với với lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe.</p> <p>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

|     |          |                                                         |                                                         |                          |           |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|----------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------|-----------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                         |                                                         |                          |           |                                      | <p>06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Hướng dẫn khám sức khỏe;</p> <p>-Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 4759/QĐ-BYT ngày 09/11/2015 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>                                             |
| 191 | 1.001058 | Cấp Giấy khám sức khỏe cho người từ đủ 18 tuổi trở lên. | Trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc việc khám sức khỏe | Ngay trong ngày làm việc | Trực tiếp | Các cơ sở đủ điều kiện khám sức khỏe | <p>335.300 đồng/lần</p> <p>- Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.</p> <p>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế Hướng dẫn khám sức khỏe</p> <p>-Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3489/QĐ-BYT ngày 09/9/2014 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc</p> |

|     |              |                                                  |                                                         |                          |           |                                      |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|--------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------|-----------|--------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |              |                                                  |                                                         |                          |           |                                      |                  | phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 192 | 1.00100<br>4 | Cấp Giấy khám sức khỏe cho người chưa đủ 18 tuổi | Trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc việc khám sức khỏe | Ngay trong ngày làm việc | Trực tiếp | Các cơ sở đủ điều kiện khám sức khỏe | 160.000 đồng/lần | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009</li> <li>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế Hướng dẫn khám sức khỏe</li> <li>- Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang.</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3489/QĐ-BYT ngày 09/9/2014 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 193 | 1.00098<br>0 | Khám sức khỏe định kỳ                            | Trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc việc khám sức khỏe | Ngay trong ngày làm việc | Trực tiếp | Các cơ sở đủ điều kiện khám sức khỏe | 160.000 đồng/lần | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009</li> <li>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế Hướng dẫn khám sức khỏe</li> <li>- Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong cơ sở khám</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

|                              |          |                                                                                                                                                |                                                         |                              |           |                                      |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|------------------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------|-----------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                              |          |                                                                                                                                                |                                                         |                              |           |                                      |                                                                                        | bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang.<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3489/QĐ-BYT ngày 09/9/2014 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 194                          | 1.000986 | Cấp giấy khám sức khỏe cho người người mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. | Trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc việc khám sức khỏe | Ngay trong ngày làm việc     | Trực tiếp | Các cơ sở đủ điều kiện khám sức khỏe | Từ 160.000 đồng đến 335.300 đồng (tùy theo đối tượng, hoặc theo chỉ định của BS khám). | - Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009<br>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế Hướng dẫn khám sức khỏe.<br>- Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang.<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3489/QĐ-BYT ngày 09/9/2014 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế. |
| <b>IV Lĩnh vực Dược phẩm</b> |          |                                                                                                                                                |                                                         |                              |           |                                      |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 195                          | 1.002035 | Kiểm tra và công nhận thành thạo ngôn ngữ trong                                                                                                | 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp                  | 30 ngày kể từ ngày nhận được | Trực tiếp | Cơ sở giáo dục                       | Không                                                                                  | - Luật Dược số 105/2016/QH13;<br>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 05 năm 2017 của Chính phủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

|                          |          |                                                                                                                             |                                                    |                                                    |           |                |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------|----------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                          |          | hành nghề được                                                                                                              | lệ                                                 | hồ sơ hợp lệ                                       |           |                |       | <p>quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Dược;</p> <p>- Thông tư số 07/2018/TT-BYT ngày 12/4/2018 quy định chi tiết một số điều về kinh doanh dược của Luật dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3949/QĐ-BYT ngày 28/6/2018 của Bộ Y tế.</p>                                                                                                            |
| 196                      | 1.001908 | Công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong hành nghề dược | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Cơ sở giáo dục | Không | <p>- Luật Dược số 105/2016/QH13;</p> <p>2. Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 05 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Dược;</p> <p>- Thông tư số 07/2018/TT-BYT ngày 12/4/2018 quy định chi tiết một số điều về kinh doanh dược của Luật dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3949/QĐ-BYT ngày 28/6/2018 của Bộ Y tế.</p> |
| <b>V Lĩnh vực Dân số</b> |          |                                                                                                                             |                                                    |                                                    |           |                |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

|     |              |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                  |           |                                                                                                        |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 197 | 1.00219<br>2 | Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ. | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng sinh (chưa bao gồm thời gian xác minh -nếu có). Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn xác minh không được quá 05 ngày làm việc | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng sinh (chưa bao gồm thời gian xác minh -nếu có). Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn xác minh không được quá 05 ngày | Trực tiếp | Trạm Y tế tuyến xã nơi trẻ sinh ra                                                                     | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh;</li> <li>- Thông tư số 27/2019/TT-BYT ngày 27/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành của TTHC được quy định tại Quyết định số 6106/QĐ-BYT ngày 31/12/2019 của Bộ Y tế Về việc công bố TTHC lĩnh vực sức khỏe bà mẹ-trẻ em (Dân số-KHHGĐ) thuộc phạm vi chức năng của Bộ Y tế tại Thông tư số 27/2019/TT-BYT ngày 27/9/2019.</li> </ul> |
| 198 | 1.00394<br>3 | Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ                                                          | Trước khi trẻ xuất viện                                                                                                                                                                                   | Trước khi trẻ xuất viện                                                                                                                                                                          | Trực tiếp | Cơ sở khám chữa bệnh đã được cấp phép kinh doanh dịch vụ lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi và mang thai | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

|     |              |                                                      |                                           |                                           |           |                      |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|--------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------|----------------------|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |              |                                                      |                                           |                                           |           | hộ                   |       | <p>thai hộ vì mục đích nhân đạo;</p> <p>- Thông tư số 34/2015/TT-BYT của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 2/10/2012 của Bộ Trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3297/QĐ-BYT ngày 01/7/2016 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành được quy định tại Thông tư số 34/2015/TT-BYT của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 2/10/2012 của Bộ Trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p> |
| 199 | 2.00096<br>1 | Đề nghị thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp | Cơ sở khám chữa bệnh | Không | <p>- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;</p> <p>- Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014;</p> <p>- Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4291/QĐ-BYT ngày 15/10/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế</p>                                                                                                    |

|     |              |                                                                                     |                                                                                                                                    |                                                                                                                                    |           |                                       |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 200 | 1.00356<br>4 | Cấp lại giấy chứng sinh đôi với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép giấy chứng sinh | 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn xác minh không quá 02 ngày làm việc) | 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn xác minh không quá 02 ngày làm việc) | Trực tiếp | Cơ sở khám, chữa bệnh nơi trẻ sinh ra | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ đăng ký quản lý hộ tịch;</li> <li>- Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân, gia đình và chứng thực;</li> <li>- Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 của Bộ Y tế về Quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4691/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về Công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực dân số và kế hoạch hóa gia đình.</li> </ul> |
| 201 | 1.00215<br>0 | Cấp lại giấy chứng sinh đôi với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng                      | 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn xác minh không quá 02 ngày làm việc) | 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn xác minh không quá 02 ngày làm việc) | Trực tiếp | Cơ sở khám, chữa bệnh nơi trẻ sinh ra | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ đăng ký quản lý hộ tịch;</li> <li>- Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân, gia đình và chứng thực;</li> <li>- Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 của Bộ Y tế về Quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4691/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế về Công bố</li> </ul>                                                                                                                |

|  |  |  |  |  |  |  |  |                                                                                                                |
|--|--|--|--|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  |  |  |  |  | thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực dân số và kế hoạch hóa gia đình. |
|--|--|--|--|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## PHẦN 2: QUY TRÌNH LIÊN THÔNG GIỮA CÁC CƠ QUAN THAM GIA GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÙNG BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### I. Lĩnh vực: Khám bệnh, chữa bệnh

**1. Tên thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ.**

**Bước 1:** Phòng Y tế huyện, thành phố tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân (khách hàng) trực tiếp tại Trụ sở phòng Y tế huyện, thành phố.

Danh mục thành phần hồ sơ:

| STT | Tên thành phần                                                                                                                       | Tiêu chuẩn                                     | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------|
| 01  | Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT                 | Bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao chứng thực | 01       |
| 02  | Bản sao có chứng thực quyết định thành lập trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ                                                               | Bản sao có chứng thực                          | 01       |
| 03  | Hợp đồng cho thuê địa điểm hoặc giấy cam kết đồng ý cho mượn của chủ địa điểm hoặc người quản lý nơi đặt trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ | Bản sao có chứng thực                          | 01       |
| 04  | Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận chuyên môn của nhân sự làm việc tại trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ                                | Bản sao có chứng thực                          | 01       |
| 05  | Quy chế hoạt động của trạm sơ cấp cứu                                                                                                | Bản sao có chứng thực                          | 01       |
| 06  | Báo cáo nguồn tài chính để đảm bảo kinh phí hoạt động của trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ                                                | Bản sao có chứng thực                          | 01       |

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**Bước 2:** Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, phòng y tế phải thành lập tổ thẩm định để tổ chức thẩm định và có biên bản thẩm định gửi Sở Y tế theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, phòng y tế có văn bản hướng dẫn trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ hoàn thiện hồ sơ.

Danh mục hồ sơ chuyển đến Sở Y tế:

| STT | Tên thành phần                                                                       | Tiêu chuẩn | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------|
| 01  | Tờ trình về việc đề nghị cấp giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ | Bản chính  | 01       |
| 02  | Biên bản thẩm định theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 b                              | Bản chính  | 01       |

|  |                                              |  |  |
|--|----------------------------------------------|--|--|
|  | san hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT |  |  |
|--|----------------------------------------------|--|--|

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**Bước 3:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định của phòng y tế, Giám đốc Sở Y tế phải cấp giấy phép hoạt động cho trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này, trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Kết quả giải quyết tại Sở Y tế trả cho phòng Y tế huyện, thành phố:

| STT | Tên thành phần                           | Tiêu chuẩn | Số lượng |
|-----|------------------------------------------|------------|----------|
| 01  | Giấy phép hoạt động hoặc văn bản trả lời | Bản chính  | 01       |

Phòng Y tế huyện, thành phố trả kết quả cho khách hàng trực tiếp tại Trụ sở phòng Y tế huyện, thành phố gồm:

| STT | Tên thành phần                           | Tiêu chuẩn | Số lượng |
|-----|------------------------------------------|------------|----------|
| 01  | Giấy phép hoạt động hoặc văn bản trả lời | Bản chính  | 01       |

## 2. Tên thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ.

**Bước 1:** Phòng Y tế huyện, thành phố tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân (khách hàng) trực tiếp tại Trụ sở phòng Y tế huyện, thành phố.

Danh mục thành phần hồ sơ:

| STT | Tên thành phần                                                                                                                       | Tiêu chuẩn                                     | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------|
| 01  | Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT                 | Bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao chứng thực | 01       |
| 02  | Bản sao có chứng thực quyết định thành lập điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ                                                               | Bản sao có chứng thực                          | 01       |
| 03  | Hợp đồng cho thuê địa điểm hoặc giấy cam kết đồng ý cho mượn của chủ địa điểm hoặc người quản lý nơi đặt điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ | Bản sao có chứng thực                          | 01       |
| 04  | Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận chuyên môn của nhân sự làm việc tại điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ                                | Bản sao có chứng thực                          | 01       |
| 05  | Quy chế hoạt động của điểm sơ cấp cứu                                                                                                | Bản sao có chứng thực                          | 01       |
| 06  | Báo cáo nguồn tài chính để đảm bảo kinh phí hoạt động của điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ                                                | Bản sao có chứng thực                          | 01       |

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**Bước 2:** Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, phòng y tế phải thành lập tổ thẩm định để tổ chức thẩm định và có biên bản thẩm định gửi Sở Y tế theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, phòng y tế có văn bản hướng dẫn điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ hoàn thiện hồ sơ.

Danh mục hồ sơ chuyển đến Sở Y tế:

| STT | Tên thành phần                                                                                     | Tiêu chuẩn | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------|
| 01  | Tờ trình về việc đề nghị cấp giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ               | Bản chính  | 01       |
| 02  | Biên bản thẩm định theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT | Bản chính  | 01       |

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**Bước 3:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định của phòng y tế, Giám đốc Sở Y tế phải cấp giấy phép hoạt động cho điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này, trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Kết quả giải quyết tại Sở Y tế trả cho phòng Y tế huyện, thành phố:

| STT | Tên thành phần                           | Tiêu chuẩn | Số lượng |
|-----|------------------------------------------|------------|----------|
| 01  | Giấy phép hoạt động hoặc văn bản trả lời | Bản chính  | 01       |

Phòng Y tế huyện, thành phố trả kết quả cho khách hàng trực tiếp tại Trụ sở phòng Y tế huyện, thành phố gồm:

| STT | Tên thành phần                           | Tiêu chuẩn | Số lượng |
|-----|------------------------------------------|------------|----------|
| 01  | Giấy phép hoạt động hoặc văn bản trả lời | Bản chính  | 01       |

**3. Tên thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm.**

**Bước 1:** Phòng Y tế huyện, thành phố tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân (khách hàng) trực tiếp tại Trụ sở phòng Y tế huyện, thành phố.

Danh mục thành phần hồ sơ:

| STT | Tên thành phần                                                                                                                                    | Tiêu chuẩn                                     | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------|
| 01  | Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ theo Phụ lục số 2b ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT | Bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao chứng thực | 01       |

